

Phụ lục 1
QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
(Kèm theo Công văn số/BNNMT-MT ngày tháng 10 năm 2025)

Bảng 1. Tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sắp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
1	Hà Nội	1	Hà Nội	7,300											
3	Bắc Ninh	2	Bắc Ninh	1,070											
20	Bắc Giang			949.39	896.64	871.13	91.76%	349.84	346.25	343.17	98.09%	599.55	550.39	527.96	88.06%
4	Quảng Ninh	3	Quảng Ninh	1,064.22	1,051.56	1,051.56	98.81%	837.80	835.01	835.01	99.67%	226.42	216.55	216.55	95.64%
5	Hải Dương	4	Hải Phòng	1,297	1,158.25	1,158.25	89.30%	597.18	549.41	549.41	92%	699.82	608.84	608.84	87%
6	Hải Phòng			2,008	1,998.21	1,998.21	99.51%	1,029	1,029	1,029	100%	979	969.21	969.21	99%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sắp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
7	Hưng Yên	5	Hưng Yên	787	653	653	82.97%								
8	Thái Bình			1,000.36	970.39	970.39	97%	150.61	147.41	147.41	97.88%	849.75	822.98	822.98	97%
9	Hà Nam	6	Ninh Bình	351.06	347.7	347.7	99%	183.27	183.27	183.27	100%	167.79	164.43	164.43	98%
10	Nam Định			962.12	896	896	93.13%	351.69	318.01	318.01	90.42%	610.43	577.99	577.99	94.69%
11	Ninh Bình			592.50	518.04	518.04	87.4%	190.1	176	176	92.58%	402.4	342.04	342.04	85%
13	Cao Bằng	7	Cao Bằng	316.19	170.01	170.01	53.77%	125.74	116.44	116.44	92.6%	190.45	53.57	53.57	28.13%
12	Hà Giang	8	Hà Giang					215	204	204	94.9%				
15	Tuyên Quang			390	224.80	224.80	57.64%	124.0	118.4	118.4	95.48%	266	106.4	106.4	40%
14	Bắc Kạn	9	Thái Nguyên	161.30	132.87	132.87	82.37%	76.8	72.9	72.9	94.92%	84.5	59.97	59.97	70.97%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sáp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
18	Thái Nguyên			785	660	660	84.08%								
16	Lào Cai	10	Lào Cai	455.82	406.83	406.83	89.25%	219.23	210.46	210.46	96.00%	236.59	196.37	196.37	83%
17	Yên Bái			486.26	359.20	359.20	73.87%	201.26	188.90	188.9	93.86%	285.00	170.3	170.3	60%
19	Lạng Sơn	11	Lạng Sơn	514.71	431.48	431.48	84%	245.84	243.43	243.43	99.02%	268.87	188.05	188.05	70%
21	Phú Thọ	12	Phú Thọ	794.02	663.44	663.44	83.55%	283.02	280.11	280.11	98.97%	511	383.33	383.33	75.02%
2	Vĩnh Phúc			1,060.00	954.00	954.00	90.00%	423.00	410.31	410.31	97.00%	637.00	543.69	543.69	85%
25	Hoà Bình			434.30	308.30	308.30	70.99%	169.2	158.2	158.2	93.5%	265.1	150.1	150.1	56.62%
22	Điện Biên	13	Điện Biên	368.39	194.56	187.19	50.8%	84.30	80.93	79.242	94%	284	113.64	107.95	38%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sáp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
23	Lai Châu	14	Lai Châu	247.69	206.79	206.79	83.49%	111.69	110.19	110.19	98.66%	136	96.6	96.6	71.03%
24	Sơn La	15	Sơn La	425.76	382.71	382.71	89.89%	170.48	170.48	170.48	100%	255.28	212.23	212.23	83.14%
26	Thanh Hóa	16	Thanh Hóa	2,505.07	2,307.17	2,307.17	92.10%	802.22	775.95	775.95	96.73%	1,702.85	1,531.22	1,531.22	89.92%
27	Nghệ An	17	Nghệ An	1,843.58	1,703.40	1648.17	89.4%	626.76	618.71	611.93	97.63%	1216.82	1084.69	1036.24	85.16%
28	Hà Tĩnh	18	Hà Tĩnh	744.10	671.97	671.97	90.3%	224.30	213.53	213.53	95.2%	519.80	458.44	458.44	88.20%
29	Quảng Bình	19	Quảng Trị	550.45	471.62	471.62	85.68%	199.78	190.25	190.25	95.23%	350.67	281.37	281.37	80.24%
30	Quảng Trị			365.94	338.59	338.59	92.53%	191.87	189.76	189.76	98.90%	174.07	148.83	148.83	85.50%
31	Thừa Thiên Huế	20	Thừa Thiên Huế	668.53	659.30	659.30	98.62%	425.89	423.99	423.99	99.6%	242.64	235.31	235.31	97.0%
32	Đà Nẵng	21	Đà Nẵng	1,104.39	1,104.39	1,104.39	100%	1022.21	1022.21	1022.21	100%	82.18	82.18	82.18	100.0%
33	Quảng Nam			783	751	751	95.91%	395	394	394	99.75%	388	357	357	92.0%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sáp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
34	Quảng Ngãi	22	Quảng Ngãi	876.28	562.96	562.96	64.24%	267.7	240.50	240.50	89.84%	608.58	322.46	322.46	53.0%
40	Kon Tum			330	287.10	287.10	87%	136	131.92	131.92	97%	194	155.18	155.18	79.99%
37	Khánh Hòa	23	Khánh Hòa	1,112.85	1,065.82	1,065.82	95.8%	834.47	833.30	833.30	99.86%	278.38	232.52	232.52	83.52%
38	Ninh Thuận			451.04	433.47	433.47	96.1%	201.85	199.83	199.83	99.00%	249.19	233.64	233.64	93.76%
41	Gia Lai	24	Gia Lai	778	451.74	451.74	58.06%	380	344.28	344.28	91%	398	107.46	107.46	27.00%
35	Bình Định			1,030.61	883.14	883.14	85.69%	541.75	507.73	507.73	93.72%	488.86	375.41	375.41	76.8%
42	Đắk Lắk	25	Đắk Lắk	1,177.38	853.14	853.14	72.46%	515.27	484.42	484.42	94.01%	662.11	368.72	368.72	55.69%
36	Phú Yên			662.44	524.63	524.63	79%	296.75	242.11	242.11	81.59%	365.69	282.52	282.52	77.3%
43	Đắk Nông	26	Lâm Đồng	345.86	281.88	281.88	81.50%	89.94	89.94	89.94	100.00%	255.92	191.94	191.94	75.00%
44	Lâm Đồng			1,082.89	992.41	992.41	91.64%	661.35	639.34	639.34	96.67%	421.54	353.07	353.07	83.76%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sáp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
39	Bình Thuận			850	742,8	742.8	87.39%								
46	Tây Ninh	27	Tây Ninh	668	553.8	553.8	82.92%	280.56	241.50	241.50	86.08%	387.30	312.29	312.29	80.63%
51	Long An			1,040.98	954.82	954.82	91.72%	521.27	512.60	512.60	98.34%	519.71	442.22	442.22	85.09%
48	Đồng Nai	28	Đồng Nai	2,011	2,011	2,011	100%	1,033	1,033	1,033	100%	978	978	978	100%
45	Bình Phước			667	534	534	80.06%	307	282	282	91.86%	360	252	252	70%
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	29	Tp. Hồ Chí Minh	1,017.7	944.2	944.2	92.78%	673.30	664.97	664.97	98.76%	344.40	279.23	279.23	81%
50	Tp. Hồ Chí Minh			8,914.9	8,914.9	8,914.9	100%	7,422.83	7,422.83	7,422.83	100%	1,492.07	1,492.07	1,492.07	100%
47	Bình Dương			2,337	2,311.0	2,311	98.89%	2,133.35	2,110.2	2,110.2	98.91%	203.65	200.8	200.8	98.60%
53	Bến Tre	30	Vĩnh Long	1,162.52	1,008.75	1,008.75	86.77%	318.92	307.25	307.25	96.34%	843.6	701.5	701.5	83.16%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sáp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
54	Trà Vinh			597.44	374.8	522.78	87.5%	155.05	142.46	129.48	83.51%	442.39	232.34	393.3	88.9%
55	Vĩnh Long			559.30	506.77	506.77	90.61%	261.80	253.90	253.90	96.98%	297.50	252.87	252.87	85%
56	Đồng Tháp	31	Đồng Tháp	898	734.10	727	80.96%	340	320.6	318	93.53%	558	413.5	409	73.3%
52	Tiền Giang			1,628.53	1,547.80	1,547.80	95.04%	516.06	515.60	515.60	99.91%	1,112.47	1,032.2	1,032.2	92.78%
57	An Giang	32	An Giang	1,220	959.62	959.62	78.66%	680	631	631	92.79%	540	328.62	328.62	60.86%
58	Kiên Giang			1,203.20	937.42	937.42	77.91%	459.57	423.50	423.50	92.15%	743.63	513.92	513.92	69.11%
59	Cần Thơ	33	Cần Thơ	702.15	675.89	675.89	96.26%	511.37	504.88	504.88	98.73%	190.78	171.01	171.01	89.64%
60	Hậu Giang			650							99%				
61	Sóc Trăng			875	710.6	710.6	81.2%	358.8	346.6	346.6	96.60%	516.2	364	364	70.51%

STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	STT mới	Tỉnh sau sắp nhập	Tổng CTRSH phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH đô thị phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)				CTRSH nông thôn phát sinh, thu gom, xử lý (tấn/ngày)			
				Khối lượng phát sinh	Khối lượng thu gom, vận chuyển	Khối lượng CTRSH xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý (tấn/ngày)	Tỷ lệ xử lý (%)	KL phát sinh	KL thu gom, vận chuyển	KL xử lý	Tỷ lệ xử lý (%)
				(1)=(5)+(9)	(2)=(6)+(10)	(3)=(7)+(11)	(4) = (3)/(1)	(5)	(6)	(7)	(8) = (7)/(5)	(9)	(10)	(11)	(12)=(11)/(9)
62	Bạc Liêu	34	Cà Mau	367.37	334.57	334.57	91.1%	282	279.9	279.9	99%	85.37	54.67	54.67	64%
63	Cà Mau			744.51	672.90	672.90	90.4%	261.9	251.89	251.89	96.18%	482.61	421.01	421.01	87.24%
	Tổng cộng (56)			68,347.99	52,615.44	53,411.01	78.15%	30,468.94	29,735.56	29,708.43	97.50%	26,652.05	21,770.88	21,850.77	81.99%

Bảng 2. Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu tính đến ngày 31/12/2024

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động (khu/bãi)					Tổng số khu, bãi chôn lấp chất thải rắn đang hoạt động đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (khu/bãi)					Tỷ lệ khu, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường (%)
				Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp				Tổng số	Chia theo quy mô bãi chôn lấp				
					Nhỏ	Vừa	Lớn	Rất lớn		Nhỏ	Vừa	Lớn	Rất lớn	
					(<10 ha)	(10- <30 ha)	(30- <50 ha)	(≥50ha)		(<10 ha)	(10- <30 ha)	(30- <50 ha)	(≥50ha)	
A	B		C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tp. Hồ Chí Minh		1	0	0	1	0	1	0	0	1	0	100,0
50	Tp. Hồ Chí Minh			2	0	1	0	1	2	0	1	0	1	100,0
47	Bình Dương			1		1			1		1			100%
VI	Đồng bằng sông Cửu Long													
53	Bến Tre	Vĩnh Long												
54	Trà Vinh			10	10	0	0	0	10	10	0	0	0	100,0
55	Vĩnh Long			1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	100,0
56	Đồng Tháp	Đồng Tháp		15	13	2	0	0	7	5	2	0	0	46,7
52	Tiền Giang			6	5	1	0	0	0	0	0	0	0	0,0
57	An Giang	An Giang		10	10	0	0	0	3	3	0	0	0	33,3
58	Kiên Giang													
59	Cần Thơ	Cần Thơ		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
60	Hậu Giang			1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0
61	Sóc Trăng			35	34	1	0	0	35	34	1	0	0	100,0
62	Bạc Liêu	Cà Mau		5										100,0
63	Cà Mau			1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	100,0

Bảng 3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp: Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
A	B		C	1	2	3	4	5	6	7
	Cả nước									52,7
I	Đồng bằng sông Hồng									
1	Hà Nội	Hà Nội								
3	Bắc Ninh	Bắc Ninh		1.067,0	546,7	520,3	0,0	0,0	0,0	
20	Bắc Giang			352.400,2	168.644,6	183.755,6	95.703,0	81.103,0	14.600,0	27,2
4	Quảng Ninh	Quảng Ninh		388.441,28	305.795,77	82.645,51	148.575,00	-	-	38,2
5	Hải Dương	Hải Phòng		473.405,0	251.485,0	221.920,0	246.375,0	61.685,0	184.690,0	52,0
6	Hải Phòng			732.920,0	375.585,0	357.335,0	554.435,0	320.835,0	233.600,0	75,6
7	Hưng Yên	Hưng Yên								
8	Thái Bình			358.084,3	54.976,3	303.108,0	177.179,7	8.935,2	168.244,5	49,5
9	Hà Nam	Ninh Bình								
10	Nam Định			348.138,5	135.905,9	212.232,6	125.956,0	63.538,8	62.417,2	36,2
11	Ninh Bình			223.000,0	76.270,0	146.730,0	132.740,0	51.600,0	81.140,0	59,5
II	Trung du và miền núi phía Bắc									
12	Hà Giang	Hà Giang		79.509,0	79.509,0	0,0	56.628,6	56.628,6	0,0	71,0
15	Tuyên Quang									
13	Cao Bằng	Cao Bằng								
16	Lào Cai	Lào Cai								
17	Yên Bái									
18	Thái Nguyên	Thái Nguyên		315.360,0	204.400,0	110.960,0	182.865,0	131.035,0	51.830,0	58,0
14	Bắc Kạn			58.869,1	26.079,2	25.894,7	11.873,2	-	-	20,2

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
A	B		C	1	2	3	4	5	6	7
19	Lạng Sơn	Lạng Sơn		191.891,5	92.082,2	99.809,3	111.934,6	76.882,8	35.051,9	58,3
21	Phú Thọ	Phú Thọ		340.751,0	113.660,0	227.091,0	92.070,0	26.402,0	65.668,0	27,0
2	Vĩnh Phúc									
25	Hòa Bình									
22	Điện Biên	Điện Biên								
23	Lai Châu	Lai Châu		40.768,7			40.219,9			98,7
24	Sơn La	Sơn La		155.403,2	62.226,0	93.177,2	129.553,0	56.345,0	73.209,0	83,3
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung									
26	Thanh Hóa	Thanh Hóa		908.169,5			526.323,3			58,0
27	Nghệ An	Nghệ An		672.908,0	228.768,0	444.140,0	526.434,3	206.691,2	319.743,2	78,2
28	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh		271.588,6	79.311,4	192.277,2	22.836,5			8,4
29	Quảng Bình	Quảng Trị		200.914,3	72.919,7	127.994,6	172.159,6	69.459,5	102.700,1	85,7
30	Quảng Trị									
31	Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế		244.012,6	155.448,9	88.563,7	45.664,6			18,7
32	Đà Nẵng	Đà Nẵng		403.102,8	373.107,5	29.995,3	403.102,8	373.107,5	29.995,3	100,0
33	Quảng Nam									
34	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi		319.681,0	97.617,0	222.064,0	176.914,3	84.600,3	92.314,0	55,3
40	Kon Tum			104.791,5	48.150,8	56.640,7	15.424,9			14,7
37	Khánh Hoà	Khánh Hòa								
38	Ninh Thuận			141.328,0	48.864,0	92.464,0	7.066,4	5.653,1	1.413,3	5,0
IV	Tây Nguyên									
41	Gia Lai	Gia Lai		778.671,0	380.104,0	398.567,0				
35	Bình Định			376.171,8	197.739,6	178.432,2	318.513,7	184.582,7	133.931,0	85,9

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
A	B		C	1	2	3	4	5	6	7
42	Đắk Lắk	Đắk Lắk		269.340,2	52.648,9	216.691,3	132.870,8	47.483,3	98.211,9	49,3
36	Phú Yên			241.851,6	108.372,6	133.479,0	146.171,3	84.329,3	61.842,0	60,4
43	Đắk Nông	Lâm Đồng								
44	Lâm Đồng			395.257,0	241.391,0	153.866,0	255.825,0	90.733,0	165.092,0	64,7
39	Bình Thuận			310.250,0			0,0			0,0
V	Đông Nam Bộ									
46	Tây Ninh	Tây Ninh		274.082,5	124.082,8	149.999,7	2.141,6	86,26	2.055,3	0,8
51	Long An			379.960,0	190.265,0	189.695,0	0,0	0,0	0,0	
48	Đồng Nai	Đồng Nai								
45	Bình Phước									
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tp. Hồ Chí Minh		372.665,0	256.230,0	116.435,0	350.765,0			94,1
50	Tp. Hồ Chí Minh			4.211.358,7	3.473.500,3	737.858,3	2.519.514,7	325.057,3	11.515,0	59,8
47	Bình Dương			853.165,4	776.053,1	77.112,4	22.995,0	20.701,0	2.294,0	2,7
VI	Đồng bằng sông Cửu Long									
53	Bến Tre	Vĩnh Long								
54	Trà Vinh			212.587,0	68.825,1	143.761,8	72.875,9	21.511,6	51.364,3	34,3
55	Vĩnh Long			204.144,5	95.557,0	108.587,5	174.021,1			85,2
56	Đồng Tháp	Đồng Tháp		301.672,9	108.182,6	193.490,3	241.849,1	103.479,6	138.369,5	80,2
52	Tiền Giang			594.414,3	188.362,0	406.052,2	539.459,9	186.638,0	352.821,9	97,8
57	An Giang	An Giang		1.220,0	680,0	540,0				
58	Kiên Giang									
59	Cần Thơ	Cần Thơ		255.373,0	185.738,0	69.634,8	0,0	0,0	0,0	
60	Hậu Giang			130.366,0	52.678,0	77.687,9	50.711,1	17.735,2	32.975,9	39,1
61	Sóc Trăng			875.031,0	358.799,0	516.232,0	699.684,5	339.303,5	360.381,0	80,0

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (tấn)			Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (tấn)			Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp (%)
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Đô thị	Nông thôn		Đô thị	Nông thôn	
A	B		C	1	2	3	4	5	6	7
62	Bạc Liêu	Cà Mau		134.105,0	102.945,0	31.160,0	122.478,0			91,3
63	Cà Mau			289.914,0	103.658,0	186.256,0	9.653,0	3.643,0	6.010,0	3,3

Bảng 4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng: Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (tấn)				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (%)
					Tổng số	Trong đó:			
						Tái chế, tái sử dụng	Đốt	Đốt thu hồi năng lượng	
A	B		C	1	2	3	4	5	6
	Cả nước								34,9
I	Đồng bằng sông Hồng								
1	Hà Nội								
3	Bắc Ninh	Bắc Ninh		1.058,5	1.058,5	0,0	133,0	925,5	100,0
20	Bắc Giang			331.493,0	235.753,5				71,1
4	Quảng Ninh			383.818,0			235.251,80		61,3
5	Hải Dương	Hải Phòng		425.193,0	256.230,0	56.940,0	199.290,0	0,0	100,0
6	Hải Phòng			424.422,0	256.230,0	56.940,0	199.290,0	0,0	60,4
7	Hưng Yên	Hưng Yên		653,0	163,3		163,3		25,0
8	Thái Bình			349.431,5	144.481,8	39.401,9	76.463,9	28.616,0	41,3
9	Hà Nam	Ninh Bình		126.913,2	126.913,2		126.913,2		100,0
10	Nam Định			328.109,5	210.762,1	106.218,1	104.543,9	0,0	64,2
11	Ninh Bình			194.550,0	58.310,0	54.100,0	4.200,0	0,0	30,0
II	Trung du và miền núi phía Bắc								
12	Hà Giang	Hà Giang		75.579,6	0,0				0
15	Tuyên Quang								
13	Cao Bằng	Cao Bằng							
16	Lào Cai	Lào Cai							
17	Yên Bái								
18	Thái Nguyên	Thái Nguyên		315.360,0	115.340,0				36,6

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (tấn)				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (%)
					Tổng số	Trong đó:			
						Tái chế, tái sử dụng	Đốt	Đốt thu hồi năng lượng	
A	B		C	1	2	3	4	5	6
14	Bắc Kạn				8.830,4	8.830,4			
19	Lạng Sơn	Lạng Sơn		149.354,4	17.982,6	963,0	17.019,6	0,0	12,0
21	Phú Thọ	Phú Thọ		288.029,0	42.362,4	17.949,0	24.415,0	0,0	14,7
2	Vĩnh Phúc								
25	Hòa Bình								
22	Điện Biên	Điện Biên							
23	Lai Châu	Lai Châu							
24	Sơn La	Sơn La		139.690,1	10.137,2	6.886,18	3.251,0	0,0	7,3
III	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung								
26	Thanh Hóa	Thanh Hóa		842.117,6	314.812,3	100.879,4	213.933,1	0,0	37,4
27	Nghệ An	Nghệ An		601.632,1	45.084,0				7,5
28	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh		245.320,5	174.916,6	28.728,4	146.188,2	0,0	71,3
29	Quảng Bình	Quảng Trị		172.159,6					
30	Quảng Trị								
31	Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế		240.646,8				194.982,2	81,0
32	Đà Nẵng	Đà Nẵng		403.102,8	0,0	0,0	0,0	0,0	
33	Quảng Nam								
34	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi		169.947,3	0,0	0,0	0,0	0,0	
40	Kon Tum			62.874,9	47.450,0	21.170,0	26.280,0	0,0	75,5
37	Khánh Hoà	Khánh Hòa							
38	Ninh Thuận			128.501,9	122.076,8	114.366,7	7.710,1		95,0
IV	Tây Nguyên								
41	Gia Lai	Gia Lai		705.475,0			82,0		11,5
35	Bình Định			322.346,5	59.378,5	55.545,7	3.832,9		18,6

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (tấn)				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (%)
					Tổng số	Trong đó:			
						Tái chế, tái sử dụng	Đốt	Đốt thu hồi năng lượng	
A	B		C	1	2	3	4	5	6
42	Đắk Lắk	Đắk Lắk		147.609,4	17.288,3	17.288,3	0,0	0,0	11,7
36	Phú Yên			191.491,5	33.069,6	135,0	32.934,6	0,0	17,3
43	Đắk Nông	Lâm Đồng							
44	Lâm Đồng			362.230,0					
39	Bình Thuận			271.117,0				0,0	
V	Đông Nam Bộ								
46	Tây Ninh	Tây Ninh		223.010,5	124.944,2	44.328,4	80.615,8		56,0
51	Long An			379.960,0	379.960,0	151.984,0	227.976,0	0,0	100,0
48	Đồng Nai	Đồng Nai							
45	Bình Phước								
49	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tp. Hồ Chí Minh		361.350,0	127.020,0	127.020,0	0,0	0,0	52,8
50	Tp. Hồ Chí Minh			4.211.358,7	1.235.224,0	847.135,3	388.088,8	0,0	29,3
47	Bình Dương			843.780,61	31,807	10,607	-	21,2	2,5
VI	Đồng bằng sông Cửu Long								
53	Bến Tre	Vĩnh Long							
55	Vĩnh Long			506,8	30,0	30,0	0,0	0,0	5,9
54	Trà Vinh			195.072,8	61.500,4	25.182,5	36.317,9	0,0	31,5
56	Đồng Tháp	Đồng Tháp		264.844,1					
52	Tiền Giang			558.728,0					
57	An Giang	An Giang							
58	Kiên Giang								
59	Cần Thơ	Cần Thơ		215.804,4	215.804,4		37.798,0	178.006,5	100,0
60	Hậu Giang			127.274,2	34.518,2	11.369,9	5.832,3	17.316,0	27,1
61	Sóc Trăng			699.717,0	32,5	32,5	0,0	0,0	0,005

STT	Tỉnh/Thành phố	Tỉnh sau sáp nhập	Mã số	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý (tấn)	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (tấn)				Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng; đốt; đốt thu hồi năng lượng (%)
					Tổng số	Trong đó:			
						Tái chế, tái sử dụng	Đốt	Đốt thu hồi năng lượng	
A	B		C	1	2	3	4	5	6
62	Bạc Liêu	Cà Mau		122.476,0	17.504,0	8.493,0	9.011,0	0,0	14,3
63	Cà Mau			262.965,0	95.253,0	15.809,0	79.444,0	0,0	37,0

Bảng 5. Tình hình phân loại chất thải rắn sinh hoạt: Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu đến thời điểm báo cáo

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
Đồng bằng sông Hồng (11)			6	1	7	
24	1	Hà Nội	Hà Nội		Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Nam Từ Liêm triển khai thí điểm	1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại
6	3	Bắc Ninh	Bắc Ninh			
3	20	Bắc Giang			Toàn bộ tỉnh	
48	4	Quảng Ninh	Quảng Ninh	x		
27	6	Hải Phòng	Hải Phòng		Đã chỉ đạo triển khai thực hiện mô hình điểm về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại 57 xã, phường, thị trấn (khoảng 20%) tại các quận, huyện;	
26	5	Hải Dương			Huyện Kim Thành, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Cẩm Giàng, Thanh Miện, Nam Sách	
30	7	Hưng Yên	Hưng Yên		Đã có 151.216 hộ gia đình, đạt 42,13 % số hộ gia đình tại 154/161 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thực hiện thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình,	
53	8	Thái Bình				
41	11	Ninh Bình	Ninh Bình			
23	9	Hà Nam			Phân loại tại 1 số địa bàn khu vực nông thôn	
39	10	Nam Định			- Mô hình “Phân loại chất thải rắn tại nguồn và xử lý rác hữu cơ làm phân bón tại hộ gia đình” được thực hiện tại xã Hải Lý (huyện Hải Hậu) - Mô hình “Hố rác hữu cơ di động” thực hiện ở xã Thọ Nghiệp (huyện Xuân Trường), xã Nam	

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
					Cường (huyện Nam Trực), xã Yên Cường (huyện Ý Yên)...	
					- Mô hình “Phân loại rác thải tại hộ gia đình” được thực hiện tại xã Nghĩa Minh (huyện Nghĩa Hưng), thị trấn Ngô Đồng (huyện Giao Thủy)...	
Trung du và miền núi phía Bắc (14)			9	4	6	
14	13	Cao Bằng	Cao Bằng		Thí điểm tại 1 số địa bàn	
22	12	Hà Giang	Hà Giang	x		
60	15	Tuyên Quang				
37	16	Lào Cai	Lào Cai		Thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa và thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát duy trì tỷ lệ phân loại bình quân đạt 75-95%. Mường Khương lệ phân loại đạt 80%; huyện Si Ma Cai đạt 57%.	
63	17	Yên Bái			Huyện Yên Bình và Trấn Yên	
54	18	Thái Nguyên	Thái Nguyên		Thí điểm phân loại	
4	14	Bắc Kạn				
36	19	Lạng Sơn	Lạng Sơn	x		
		Bắc Giang				
43	21	Phú Thọ	Phú Thọ	x		
62	2	Vĩnh Phúc				
29	25	Hoà Bình				
18	22	Điện Biên	Điện Biên	x		

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
34	23	Lai Châu	Lai Châu		Thị điểm TP Lai Châu và 1 số xã	
51	24	Sơn La	Sơn La		Huyện Mộc Châu đã hình thành một số mô hình thu gom rác thải tại các xã Tân Lập, Chiềng Sơn	
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (14)			8	3	6	
55	26	Thanh Hóa	Thanh Hóa	x		
40	27	Nghệ An	Nghệ An		Thị điểm tại 1 số khu vực nông thôn huyện Nam Đàn	
25	28	Hà Tĩnh	Hà Tĩnh		Thạch Hà, Đức Thọ, Nghi Xuân, Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Hương Sơn, Kỳ Anh)	
49	30	Quảng Trị	Quảng Trị	x		
45	29	Quảng Bình				
56	31	Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế		TP Huế	
15	32	Đà Nẵng	Đà Nẵng		7 quận huyện trên địa bàn thành phố	
46	33	Quảng Nam			Thành phố Hội An, 06 xã, phường: Trường Xuân, Hoà Thuận, Tam Thanh, Tam Thăng, Tam Phú, Tam Ngọc của TP Tam Kỳ, 20 xã phường của tx Điện Bàn; huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Núi Thành, Thăng Bình	
47	34	Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	x		
33	40	Kon Tum				

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
		Bình Định				
		Phú Yên				
31	37	Khánh Hòa	Khánh Hòa		Huyện Diên Khánh	
42	38	Ninh Thuận				
		Bình Thuận				
Tây Nguyên - Central Highlands (5)			3	0	3	
		Kon Tum				
21	41	Gia Lai	Gia Lai			
8	35	Bình Định			Thị xã Hoài Nhơn (khu phố Trung Lương, phường Bồng Sơn) và huyện Tây Sơn (khối phố Thuận Nghĩa, thị trấn Phú Phong)	
16	42	Đắk Lắk	Đắk Lắk			
44	36	Phú Yên			Thành phố Tuy Hòa	
35	44	Lâm Đồng	Lâm Đồng		Thành phố Đà Lạt, huyện Đơn Dương	
17	43	Đắk Nông				
11	39	Bình Thuận				
Đông Nam Bộ (6)			3	0	3	
52	46	Tây Ninh	Tây Ninh			
38	51	Long An			Thành phố Tân An. huyện Vĩnh Hưng	
19	48	Đồng Nai	Đồng Nai		171/171 xã phường, thị trấn	
10	45	Bình Phước				

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
58	50	Tp. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh			
2	49	Bà Rịa - Vũng Tàu				
9	47	Bình Dương			Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Bến Cát	
Đồng bằng sông Cửu Long (13)			5	0	7	
61	55	Vĩnh Long	Vĩnh Long			
7	53	Bến Tre			Thành phố Bến Tre	
59	54	Trà Vinh				
20	56	Đồng Tháp	Đồng Tháp		Huyện Châu Thành	
57	52	Tiền Giang				
1	57	An Giang	An Giang		36 xã nông thôn mới	
32	58	Kiên Giang			- Thành phố Rạch Giá. - Huyện Gò Quao. - Huyện Tân Hiệp. - Huyện An Minh. - Huyện U Minh Thượng. - Huyện Hòn Đất. - Huyện Kiên Lương. - Huyện An Minh. - Huyện Vĩnh Thuận (xã Bình Minh, Vĩnh Phong và thị trấn Vĩnh Thuận). - Huyện An Biên. - Huyện Tân Hiệp. - Huyện Kiên Hải (xã Lại Sơn).	
13	59	Cần Thơ	Cần Thơ			
28	60	Hậu Giang				
50	61	Sóc Trăng			Thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm, huyện Kế Sách, Châu Thành, Mỹ Tú, Trần Đề, Cù Lao Dung, Mỹ Xuyên (tỷ lệ phân loại 33%/huyện)	

STT a-b	STT theo KV	Thành phố/Tỉnh	Tỉnh sau sát nhập	Tình hình phân loại CTRSH		
				Chưa thực hiện	Đã thực hiện (Nêu cụ thể địa bàn thực hiện)	Số loại CTRSH sau phân loại (1. tái chế, 2. thực phẩm, 3. công kênh, 4. nguy hại, 5. còn lại)
12	63	Cà Mau	Cà Mau		Thí điểm ở một số khu vực, tuyến đường	
5	62	Bạc Liêu			Thí điểm tại Thị trấn Châu Hưng	
		Tổng cộng (51)	34	8	32	

Phụ lục 2.
QUẢN LÝ PHẾ LIỆU, PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT
(Kèm theo Công văn số/BNMT-MT ngày tháng 10 năm 2025)

Bảng 1. Danh sách tổ chức, cá nhân giám định phế liệu nhập khẩu: Rà soát, cập nhật tình hình hoạt động, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân giám định phế liệu nhập khẩu sau sáp nhập đơn vị hành chính

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ hoạt động
I	Thành phố Hồ Chí Minh	
1	Công ty TNHH giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Địa chỉ trụ sở chính: số 80 đường Bà Huyện Thanh Quan, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: 028 39316323 - 028 39316704; Fax: 028 39316961 - 028 38437861; Email: th_hcm@vinacontrol.com.vn; vinahochiminh@vinacontrol.com.vn
2	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 3 (Quatest 3)	Số 49 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3	Công ty Cổ phần giám định và khử trùng FCC	Địa chỉ trụ sở chính: số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; số điện thoại 028. 38223183 - 028.38297857; Fax: 028. 3829 0202 - 028. 3910 3070
4	Công ty TNHH INSPECTORATE Việt Nam	Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Sky Gate Tower, 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, T.P Hồ Chí Minh – +84 (28) 3812 2196; số điện thoại 028.38122196; Fax: 028.38127038)

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ hoạt động
5	Công ty cổ phần giám định Worldcontrol	Địa chỉ trụ sở chính: 144/16 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại 0283.840.7495; Fax: 028.38407495; Thư điện tử: worldcontrol@gmail.com
6	Công ty TNHH Nippon Kaiji Kentei (Việt Nam)	Lầu 8, Tòa nhà Melody, 651-653 Điện Biên Phủ, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
7	Công ty Cổ phần Giám định và Chứng nhận ICC	Địa chỉ số 53 đường 31E, Khu phố 5, phường An Phú, TP Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84)-28.22222079; Mã số thuế: 03141166090;
8	Công ty TNHH MTV dịch vụ giám định Thái An	Địa chỉ trụ sở chính: số 157 đường số 5, khu đô thị Lakeview City, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh; Số điện thoại: (028) 35193399; Mã số thuế: 0315825759; Địa chỉ đăng ký kinh doanh: số 103 đường số 6, khu đô thị Lakeview City, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty cổ phần dịch vụ và giám định Bảo Minh	Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: Số 85 Hoàng Sa, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Văn phòng: Số 13 đường số 03, khu phố 2 phường Bình An, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
10	Công ty Cổ phần Giám Định Nam Việt	Số 4/6, đường số 3, khu phố 4, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại 02822531519; Email: nvco@navicontrol.com.vn
11	Công ty SGS Việt Nam	Số 198 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, quận 3, TP Hồ Chí Minh
12	Công ty CP Giám định Eurocontrol	Số 26G Lê Quốc Hưng, Phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

TT	Tên tổ chức	Địa chỉ hoạt động
13	Công ty CP Giám định khử trùng Vietnam Control	Số 136 Lê Đình Cẩn, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
II	Thành phố Đà Nẵng	
1	Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6 - A8 đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
III	Thành phố Hải Phòng	
1	Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80 Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
2	Công ty cổ phần giám định và dịch vụ Đại Việt	tầng 8, toà nhà Việt Úc, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, thành phố Hải Phòng
3	Công ty cổ phần giám định-thương mại Bảo Linh	địa chỉ trụ sở chính: số 19 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; số điện thoại 02253.501.789; Fax: 02253.201.789
4	Công ty cổ phần vận tải biển và giám định Bảo Minh	Thửa 38, tổ 3 xóm Trung, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, tp Hải Phòng
IV	Thành phố Hà Nội	
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Vinacontrol Hà Nội	Địa chỉ tại số 96 Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; số điện thoại 024.3942.1343; Fax: 024.3942.1002
V	Tỉnh Quảng Ninh	
1	Chi nhánh Công ty cổ phần tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11 phố Hoàng Long, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Bảng 2. Danh sách các cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất 2022-2024 ¹

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
I	Phế liệu sắt, thép, gang									
1	Công ty TNHH Quốc tế Bright Việt	Bắc Ninh	Lô CN 01, 02, 03, 04, 05 KCN Thuận Thành II, xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	32/GPMT-BTNMT ngày 22/2/2023			12.313		12.313	10.261
2	Công ty cổ phần luyện thép cao cấp Việt Nhật	Hải Phòng	Km 9, Quốc lộ 5, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	146/GPMT-BTNMT ngày 23/4/2024	440.000	654.908,52	440.000	162.288,34	440.000	73.512,71
3	Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	Hải Phòng	Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	13/GXN-BTNMT ngày 20/01/2022	487.968,00	199.324,00	487.968,00	233.436,08	487.968,00	194.488,79
4	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Hải Dương	Hải Dương	xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	72/GXN-BTNMT ngày 14/9/2021	666.000,00	146.249,10	666.000,00	191.526,13	666.000,00	150.395,12
5	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	153/GPMT-BTNMT ngày 15/5/2023	300.000,000	652.000,00	300.000,00		300.000,00	150.000,00

¹ Chi tiết liên hệ: Bà Nguyễn Thị Hường, Chuyên viên Cục Môi trường, số điện thoại: 0975860664

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
6	Công ty TNHH thép đặc biệt Shengli Việt Nam	Thái Bình	Khu công nghiệp Cầu Ngbin, Thị trấn An Bài, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	117/GPMT-BTNMT ngày 01/6/2022	542.000,00	189.116,128	542.000,00	534.883,14	542.000,00	353.363,95
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Luyện thép Lưu Xá	Thái Nguyên	Tổ 21, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	171/GPMT-BTNMT ngày 30/5/2023	-	52.684,06	185.490,00	3.140,56	185.490,00	-
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Thanh Hóa	Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	348/GPMT-BTNMT ngày 12/12/2022			1.338.000,00		1.338.000,00	
9	Công TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Địa chỉ: Khu kinh tế Vũng Áng, Phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	44/GXN-BTNMT ngày 30/03/2022	1.940.000,00	179.626,64	1.940.000,00	1.230.523,00	1.940.000,00	1.908.595,00
10	Công ty Cổ phần thép Đà Nẵng	Đà Nẵng	Đường Tạ Quang Bửu, KCN Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	12/GPMT-BTNMT ngày 19/01/2023			161.280,00	104.780,28	161.280,00	7.577,39
11	Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	253/GPMT-BTNMT ngày 20/7/2023	2.074.000,00	640.393,57	2.074.000,00	666.496,88	2.074.000,00	606.304,93

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
12	Công ty cổ phần thép Pomina 2	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	166/GPMT-BTNMT ngày 29/7/2022	412.650,00	4.100,00	412.650,00	6.000,00	412.650,00	
13	Công ty Cổ phần thép Posco Yamato Vina	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	133/GPMT-BTNMT ngày 15/5/2025	918.344,00	28.690,00	918.344,00	54.170,00	918.344,00	15.530,00
14	Công ty TNHH thép Tung Ho Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ 2, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	07/GPMT-BTNMT ngày 06/01/2025	750.000,00	23.550,00	750.000,00	22.877,00	750.000,00	1.850,00
15	Công ty TNHH MTV thép Miền Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	04/GPMT-BTNMT ngày 11/01/2023		42.330,00	487.000,00	20.292,00	487.000,00	14.100,00
16	Công ty TNHH thép Vina Kyoei	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	67/GXN-BTNMT ngày 14/6/2022	4.429,43		759,33	1.870,00	759,33	
17	Công ty Cổ phần Thép VAS Tuệ Minh	Bình Dương	Lô A5, đường D2, KCN Đất Cuốc (Khu B), huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	528/GPMT-BTNMT ngày 10/12/2024	363.300,00	270.428,044	363.300,00	165.693,92	363.300,00	291.222,839
18	Công ty TNHH MTV thép VAS An Hưng Tường	Bình Dương	Khu phố 3, phường Tân Định, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	417/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	410.281,00	154.535,82	424.920,00	351.169,059	424.920,00	51.695,477

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
19	Công ty TNHH TPR Việt Nam	Bình Dương	KCN VSIP II, tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	49/GPMT-BTNMT ngày 01/3/2023			11.868,00	5.297,445	11.868,00	6.332,616
20	Công ty TNHH Thép Tây Đô	Can Thơ	Lô đất số 45, 45A, 45B và thửa đất số 3 - tờ bản đồ số 10, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	185/GPMT-BTNMT ngày 18/8/2022	141.168,00		141.168,00	5.420,00	141.168,00	1.930,00
21	Công ty cổ phần thép Đông Nam Á	Đắk Lắk	Khu công nghiệp Hòa Phú, Thôn 12, xã Hòa Phú, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	71/GXN-BTNMT ngày 19/8/2020	324.480,00	0,00	324.480,00	0,00	324.480,00	3.770,00
22	Công ty TNHH Vina Ito	Hà Nam	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	175/GPMT-BTNMT ngày 10/5/2024						
23	Công ty CP xuất nhập khẩu Nam Bình Phát	Hải Phòng	Số 36 khu A2, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, Tp Hải Phòng	495/GPMT-BTNMT ngày 12/12/2023	12.160,00	6.253,11	12.160,00	1.924,48	12.160,00	1.013,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
24	Công ty TNHH SEAH M&S Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	Lô F4 Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh							
II	Phế liệu nhựa và mẫu vụn của nhựa (plastic)									
1	Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Liên Minh - Tại Bắc Giang	Bắc Giang	Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	137/GPMT-BTNMT ngày 05/5/2023						
2	Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ XNK Thủy Anh (nhà máy 1)	Hải Phòng	Lô CN 2, KCN Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, tp Hải Phòng	197/GPMT-BTNMT ngày 26/8/2022	44.500,00	115.248,71	44.500,00	93.280,72	44.500,00	35.400,00
3	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Huy Bảo	Hải Phòng	Lô CN3.2C KCN Đình Vũ, thuộc KKT Đình Vũ phường Đông Hải 2, quận Hải An, tp Hải Phòng	285/GPMT-BTNMT ngày 11/8/2023					18,090.00	11,844.12
4	Công ty TNHH Huge Gain Holdings Việt Nam	Hải Phòng	Lô L2.1, L.10, KCN Đồ Sơn - Hải Phòng, quận Đồ Sơn, tp Hải Phòng	240/GPMT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2022	19.380,00	3.076,57	19.380,00	1.876,28	19.380,00	2.705,08

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
5	Công ty cổ phần Logistics Hưng Vượng	Hải Phòng	Lô CN8.2 của Khu Công nghiệp Nam Cầu Kiền, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	21/GPMT-BNNMT ngày 25/3/2025	-	-	-	-	-	-
6	Công ty TNHH nhựa H&D	Hải Phòng	xóm 8 thôn Trinh Xá, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	551/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2023 (cấp đổi)	19.250,00	2.125,69	19.250,00	10937,25	19.250,00	12.552,38
7	Công ty Cổ phần Vikohasan	Hà Nam	Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	271/GPMT-BTNMT ngày 26/7/2024			32.960,00	49.268,00	32.960,00	
8	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ HM Plastics	Hải Phòng	Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa của Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ HM Plastics có địa chỉ tại tổ 1, khu Vọng Hải, đường Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	38/GPMT-BTNMT ngày 15/01/2025	43.272,00	16.256,65	43.272,00	14.799,58	14.424,00	13.746,52

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
9	Công ty TNHH Thương mại Hà Nam Hải Phòng (tên cũ: Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hà Nam)	Hải Phòng	Số 57 Sở Dầu, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	434/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	-	-	2.600,00	2.619,18	2.600,00	1.804,05
10	Công ty Cổ phần Nam Vang Hà Nam	Hà Nam	Lô 3 đường N4, KCN Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	183/GPMT-BTNMT ngày 17/8/2022	32.093,00	-	32.093,00	10.698,00	32.093,00	32.093,00
11	Công ty TNHH nhựa CPI Việt Nam	Hà Nam	Cụm công nghiệp Bình Lục, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	363/GPMT-BTNMT ngày 02/10/2023			6.493,00	-	25.971,00	-
12	Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế Vũ Gia tại Hà Nam	Hà Nam	Lô CN01, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, xã Đại Cương, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	387/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022	24.480,00	-	24.480,00	-	24.480,00	24.480,00
13	Công ty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	Hải Dương	thôn Hán Xuyên, xã Thắt Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	384/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022	34.656,00	31.522,23	34.656,00	7.775,118	34.656,00	6.784,69
14	Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Hải	Hải Dương	Km 39, quốc lộ 5, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	403/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022			3.917,00	-	3.917,00	1.142,35

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
15	Công ty cổ phần Trịnh Nghiên	Nam Định	Khu phố 1, thị trấn Quỳ Nhất, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	352/GPMT-BTNMT ngày 16/12/2022	38.396,00	-	38.396,00	-	38.396,00	38.396,00
16	Công ty Cổ phần AUSTDOOR Ninh Bình	Ninh Bình	Lô C7,khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.	107/GXN-BTNMT ngày 30/12/2021	11.840,00	11.840,00	11.840,00	4.760,77	11.840,00	11.840,00
17	Công ty TNHH Sợi hóa học thế kỷ mới Việt Nam	Quảng Ninh	KCN Cái Lân, tp Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	74/GXN-BTNMT ngày 15/10/2021	62.595,00		62.595,00		62.595,00	62.595,00
18	Công ty TNHH Hóa công nghiệp Triển Bàng	Quảng Ninh	KCN Hải Yên, phường Hải Yên, tp. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	282/GPMT-BTNMT ngày 04/11/2022			15.800,00		15.800,00	15.800,00
19	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Sản xuất Seido	Quảng Ninh	Lô CN-8.5, Khu công nghiệp Hải Yên, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	68/GXN-BTNMT ngày 30/8/2021	5.791,00		5.791,00		5.791,00	
20	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thành Vinh	Quảng Ninh	Lô G Cụm công nghiệp Hà Khánh, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	258/GPMT-BTNMT ngày 19/10/2022	53.500,00		53.500,00		53.500,00	42.800,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
21	Công ty TNHH Hợp Thành	Thái Bình	Lô A2, KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	346/GPMT-BTNMT ngày 12/12/2022	20.645,00	4.193,00	20.645,00	4.007,00	20.645,00	3.007,00
22	Công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Plastic Tân Phú	Thái Nguyên	Phường Cải Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	161/GPMT-BTNMT ngày 25/5/2023 - 244/GPMT-BTNMT ngày 31/7/2023 (cấp điều chỉnh)	-	378,26	9.796,00	1.731,65	15.510,00	9.597,04
23	Công ty CP vận tải và khai thác khoáng sản Xuân Hòa (Nhà máy sản xuất, tái chế và kinh doanh hàng nhựa)	Thanh Hóa	Khu B, KCN Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	329/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	48,066.00	-	48,066.00	3,433.00	48,066.00	41,200.00
24	Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Khải Thành	Vĩnh Phúc	Xứ Đồng Hang Rắn Cao, xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	66/GPMT-BTNMT ngày 21/3/2023	5.732,00		5.732,00	2.727,224	8.633,00	
25	Công ty Cổ phần Silicone Châu Á Thái Bình Dương	Hòa Bình	Lô CN-08, Cụm công nghiệp Tiên Tiến, xã Quang Tiến,	264/GPMT-BTNMT ngày 24/10/2022	10.821,00	-	10.821,00	242,80	10.821,00	2.193,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình							
26	Công ty TNHH Lavergne Việt Nam	Quảng Nam	Lô số 5, đường số 3, Khu công nghiệp Điện Nam-Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam	45/GPMT-BTNMT ngày 27/2/2023	2.938,00	1.279,14	2.938,00	729,84	2.938,00	1.343,96
27	Công ty TNHH SX-TM-DV Giang Đạt Thành	Bình Định	Cụm CN Cầu 16, Thôn Thượng Sơn, Xã Tây Thuận, Huyện Tây Sơn	87/GPMT-BTNMT ngày 22/3/2024	-	-	-	-	7.157,30	413,00
28	Công ty TNHH MTV Sản xuất Minh Đăng	Bến Tre	Nhà máy tái chế phế liệu của Công ty TNHH MTV Sản xuất Minh Đăng tại thửa đất số 372, tờ bản đồ số 12, ấp Phước Thành, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	423/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	13.200,00	1.557,70	13.200,00	1.817,30	13.200,00	1.835,40
29	Chi nhánh Công ty TNHH thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu Liên Minh - tại Bình Dương	Bình Dương	Lô 2L1, 2L2 đường CN2 và CN 5, KCN Tân Bình, xã Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	318/GPMT-BTNMT ngày 25/11/2022	57.024,00	6.931,93	57.024,00	38.203,40	57.024,00	47.781,197

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
30	Công ty Cổ phần Plastic Đại Phú	Bình Dương	Lô A2.4, đường N1, khu công nghiệp Đất Cuốc - khu B (nay là khu công nghiệp KSB – khu B), xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	238/GPMT-BTNMT ngày 04/10/2022						
31	Công ty TNHH Công nghiệp Dong - A	Tây Ninh	Lô A9.1-3, đường N3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	229/GPMT-BTNMT ngày 7/7/2023	-	58,29	8.605,20	74,86	8.605,20	-
32	Công ty cổ phần Q.M.T - JP Plastic	Đồng Nai	đường số 4, KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	416/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	17.500,00		17.500,00	4.940,30	17.500,00	
33	Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch III, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	432/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	2.000,00		2.000,00		2.000,00	
34	Công ty Cổ phần nhựa Minh Hưng Phát	Đồng Nai	Nhà máy sản xuất túi zipper, túi ni lông thân thiện với môi trường quy mô 50.000 tấn sản phẩm/năm tại Khu công nghiệp Suối Tre, thành phố Long	24/GXN-BTNMT ngày 21/02/2022	16.883,00	-	16.883,00	7.708,52	16.883,00	-

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			Khánh, tỉnh Đồng Nai							
35	Công ty cổ phần nhựa Lam Trân	Long An	Lô 25-27, đường số 5, KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	98/GPMT-BTNMT ngày 11/04/2023	39.304,00	-	39.304,00	-	39.304,00	-
36	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Toàn Huy Tiến	Long An	Lô F1, đường số 6 KCN Thịnh Phát, tỉnh lộ 830, ấp 3, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	339/GPMT-BTNMT ngày 19/9/2023	-	-	10.487,00	1.230,94	10.487,00	6.297,27
37	Công ty CP nhựa Thành Công	Long An	Lô F1A-F2, đường số 1, Khu công nghiệp Hải Sơn (Giai đoạn 1+2), Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	107/GPMT-BTNMT ngày 18/04/2023	34.168,00		34.168,00	525,72	34.168,00	658,36
38	Công ty TNHH sản xuất - Xuất nhập khẩu Nhựa Vĩ Tân	Long An	Đường số 2, CCN Hoàng Gia, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	223/GPMT-BTNMT ngày 05/7/2023	-	-	51.055,00	380,98	51.055,00	852,45

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
39	Công ty TNHH MTV Khánh Quỳnh Long An	Long An	Lô MF1, MF1-1 Đường số 5, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1, Xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	242/GPMT-BTNMT ngày 06/10/2022	17.515,00	9.406,78	17.515,00	9.520,84	17.515,00	7.946,44
40	Công ty TNHH Su Cheng Việt Nam	Long An	Lô 27, đường số 9, Khu công nghiệp Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.	240/GPMT-BTNMT ngày 28/06/2024	-	-	-	-	20.060,00	373,54
41	Công ty TNHH sản xuất bao bì Nhật Nam	Trà Vinh	Lô E, đường số 01 KCN Long Đức, ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, tp Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	408/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	10.130,00	-	10.130,00	-	10.130,00	-
42	Công ty TNHH Nhựa Song Hà	Thanh Hóa	Lô CN2, Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	239/GPMT-BTNMT ngày 04/10/2022	28.800,00	-	28.800,00	7.200,00	28.800,00	28.800,00
43	Công ty TNHH RKW Việt Nam	Tp.HCM	Lô 22, Đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	411/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022	7.015,00	-	7.015,00	-	7.015,00	-

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
44	Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Giang Đạt Thành	Bình Định	CCN Cầu 16, thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	87/GP-BTNMT ngày 22/03/2024	-	-	-	-	7.157,30	413,00
III	Phế liệu giấy	4707								
1	Công ty TNHH MTV Vina Paper	Bắc Ninh	CCN Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	231/GPMT-BTNMT ngày 26/9/2022	23.904,00		23.904,00		23.904,00	
2	Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phong Khê 1, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	391/GPMT-BTNMT ngày 29/12/2022			48.816,00		48.816,00	
3	Công ty Sản xuất và Thương mại Việt Mỹ - (TNHH)	Bắc Ninh	Địa chỉ: Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	366/GPMT-BTNMT ngày 21/12/2022			86.784,00		86.784,00	
4	Công ty Giấy và Bao bì Phú Giang (TNHH)	Bắc Ninh	Thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	262/GPMT-BTNMT ngày 24/10/2022			2.913,00	2.913,00	70.720,00	
5	Công ty Sản xuất Giấy và Bao bì Phương Đông - (TNHH)	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	276/GPMT-BTNMT ngày 02/8/2023	53.760,00		53.760,00		53.760,00	
6	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Phúc	Bắc Ninh	CCN Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	80/GXN-BTNMT ngày 11/11/2021	24.304,00		24.304,00		24.304,00	

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
7	Công ty Tân Huy Kiệt - (TNHH)	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phong Khê II, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.	81/GPMT-BTNMT ngày 03/4/2023		-	38.080,00	-	38.080,00	-
8	Hợp tác xã Minh Tiến	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	94/GXN-BTNMT ngày 17/12/2021	57.200,00	-	57.200,00	-	57.200,00	-
9	Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất và Thương mại Phú Lâm	Bắc Ninh	Nhà máy sản xuất giấy Kraft, Cụm công nghiệp Phú Lâm mở rộng, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	96/GXN-BTNMT ngày 17/12/2021	35.392,00	-	35.392,00	-	35.392,00	-
10	Công ty TNHH Bắc Hà	Bắc Giang	Số 188A-188B, đường 398, xã Song Khê, tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	07/GPMT-BTNMT ngày 17/01/2023	11.520,00	686,00	11.520,00	8.810,62	11.520,00	5.210,13
11	Công ty Cổ phần sản xuất giấy Mỹ Hương	Hải Phòng	thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng	207/GPMT-BTNMT ngày 07/09/2022	36.417,00	-	36.417,00	9.488,28	36.417,00	15.113,18
12	Công ty cổ phần Miza	Hà Nội	Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, TP Hà Nội	586/GPMT-BTNMT ngày 27/12/2024						

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
13	Công ty TNHH Giấy Hưng Hà	Hà Nội	Thôn Chu Xá, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	166/GPMT-BTNMT ngày 30/5/2023			30.800,00		30.800,00	
14	Công ty Cổ phần giấy Vạn Điểm	Hà Nội	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	224/GPMT-BTNMT ngày 06/7/2023	42.204,00	-	42.204,00	-	42.204,00	
15	Công ty TNHH Thành Dững	Hải Dương	thôn Ngư Uyên, xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	420/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022		33.232,392		35.215,885	63.840,00	25.875,00
16	Công ty TNHH JP Corelex (Việt Nam)	Hung Yên	Đường B1, khu B, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	64/GXN-BTNMT ngày 16/8/2021	34.732,00	30.873,00	34.732,00	-	34.732,00	30.873,00
17	Công ty TNHH Bao bì Tân Kim Cương	Hung Yên	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	518/GPMT-BTNMT ngày 19/12/2023		66.240,00		69.000,00		
18	Công ty TNHH Giấy và bao bì Hưng Hà Hưng Yên	Hung Yên	Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	182/GPMT-BTNMT ngày 17/8/2023	115.200,00	115.200,00	115.200,00	115.200,00	115.200,00	-
19	Công ty TNHH Thái Hiệp Hưng	Thái Bình	Lô 3 đường Tạ Hiện KCN Phúc Khánh phường Phú Khánh thành phố Thái Bình	307/GPMT-BTNMT ngày 28/8/2023			7.499,00		7.499,00	

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
20	Công ty CP giấy Hoàng Văn Thụ	Thái Nguyên	Phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	217/GPMT-BTNMT ngày 16/9/2022	23.817,00	84.543,66	157.136,00	156.986,603	157.136,00	32.644,05
21	Công ty cổ phần giấy Mực sơn	Thanh Hóa	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	410/GPMT-BTNMT ngày 24/10/2023	57.600,00	48.909,549	57.600,00	28.974,3	57.600,00	25.507,273
22	Công ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa	Thanh Hóa	xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	71/GXN-BTNMT ngày 10/9/2021	27.697,00	-	27.697,00	-	27.697,00	-
23	Công ty TNHH kiến trúc và thương mại Á Châu	Đà Nẵng	Nhà máy giấy và bao bì carton Tân Long - Lô số 4, đường số 10, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, tp Đà Nẵng	11/GPMT-BTNMT ngày 19/01/2023		9.538,41	26.390,00	10.266,63	26.390,00	12.683,60
24	Công ty Cổ phần giấy Sài Gòn Miền Trung	Quảng Nam	Lô số 4 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	06/GXN-BTNMT ngày 17/01/2022	20.000,00	-	20.000,00	5.834,40	20.000,00	4.929,93
25	Công ty TNHH Miza Nghi Sơn	Thanh Hóa	Khu công nghiệp số 05 thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	106/GPMT-BTNMT ngày 18/4/2023	103.259,00	-	103.259,00	-	103.259,00	-

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
26	Công ty Cổ phần giấy Koryo Việt Nam	Thanh Hóa	Lô CN-03, Nam Khu A - Khu công nghiệp Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	381/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022	67.020,00	-	67.020,00	-	67.020,00	-
27	Công ty cổ phần Giấy Việt Trì	Phú Thọ	đường Sông Thao, phường Bến Giót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	272/GPMT-BTNMT ngày 24/10/2022	148.800,00	105.619,74	148.800,00	123.691,64	148.800,00	42.788,94
28	Công ty TNHH bao bì Tấn Đạt	Quảng Nam	Nhà máy sản xuất bao bì carton Tấn Đạt thuộc Công ty TNHH bao bì Tấn Đạt, Lô số 3, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	12/GXN-BTNMT ngày 20/01/2022	28.800,00	-	28.800,00	7.956,15	28.800,00	1.393,03
29	Công ty Cổ Phần giấy Sài Gòn	Bà Rịa - Vũng Tàu	Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	156/GPMT-BTNMT ngày 26/7/2022	203.000,00		203.000,00		203.000,00	
30	Công ty TNHH Kraft of Asia Paperboard & Packaging	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đường D2, lô B7, KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	73/GXN-BTNMT ngày 24/9/2021	439.200,00		439.200,00		439.200,00	

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
31	Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre	Bến Tre	Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	95/GXN-BTNMT ngày 17/12/2021	306.778,00	250.106,80	306.778,00	15.075,00	306.778,00	7.004,00
32	Công ty TNHH New Toyo Pulppy (Việt Nam)	Bình Dương	Số 8, đường số 6, KCN Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	177/GPMT-BTNMT ngày 15/8/2022	18.958,00	13.561,44	18.958,00	16.466,890	18.958,00	9.974,68
33	Công ty TNHH An Hưng	Bình Dương	Lô E, đường số 4, KCN Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	193/GPMT-BTNMT ngày 24/8/2022	4.362,00	3.082,95	4.362,00	4.181,089	4.362,00	7.458,021
34	Công ty TNHH giấy Đồng Tiến Bình Dương	Bình Dương	Đường 378/18, Khu phố 3, phường Tân Định, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	10/GPMT-BTNMT ngày 19/01/2023	63.648,00	60.521,76	63.648,00	37.101,22	63.648,00	55.365,372
35	Công ty TNHH giấy Kraft Vina	Bình Dương	KCN Mỹ Phước 3, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	186/GPMT-BNNMT ngày 11/06/2025	484.000,00	254.731,49	484.000,00	229.768,20	484.000,00	346.420,560
36	Công ty TNHH xưởng giấy Chánh Dương	Bình Dương	Lô B2 - CN đường 15, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	90/GXN-BTNMT ngày 16/12/2021	594.864,00	400.279,15	594.864,00	428.597,86	594.864,00	448.606,186

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
37	Công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Paper	Bình Dương	Khu số 4, Khu công nghiệp Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	379/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022	598.000,00	207.846,44	598.000,00	437.858,33	598.000,00	505.727,64
38	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Mizu Paper	Bình Dương	Khu phố 3, phường Tân Định, TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương	29/GPMT-BTNMT ngày 20/02/2023			2.880,00	2.716,414	2.880,00	2.394,476
39	Công ty TNHH MTV sản xuất bao bì giấy Bình Minh	Bình Dương	Ô A9.1, lô A9 đường D2, KCN Đất Cuốc - Khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	66/GXN-BTNMT ngày 14/6/2022	69.120,00		69.120,00	0,00	69.120,00	0,00
40	Công ty cổ phần giấy Minh Hưng	Bình Phước	KCN Minh Hưng 3, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	133/GPMT-BTNMT ngày 29/6/2022	57.600,00	45.507,00	57.600,00	54.435,00	57.600,00	46.467,70
41	Công ty TNHH MTV giấy Khôi Nguyên	Bình Phước	Lô H14-H15-H16, đường Đ6, khu công nghiệp Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	220/GPMT-BTNMT ngày 20/9/2022	114.000,00	62.955,00	114.000,00	33.342,00	114.000,00	59.132,00
42	Công ty TNHH giấy Bình Chiêu	TP Hồ Chí Minh	Khu phố 3, phường Bình Chiêu, quận	46/GPMT-BTNMT		-	23.962,00	-	23.962,00	2.000,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	ngày 27/2/2023						
43	Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	TP Hồ Chí Minh	Lô C6, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, tp Hồ Chí Minh	532/GPMT-BTNMT ngày 22/12/2023	74.188,00	-	74.188,00	-	74.188,00	-
44	Công ty cổ phần TKC KRAFT	Long An	Lô C13-C16, đường số 3, KCN Hải Sơn (Giai đoạn 3+4), xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	382/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022	93.440,00		93.440,00	24.853,00	93.440,00	8.138,00
45	Công ty Cổ phần giấy Đồng Tiến - Long An	Long An	Lô A216-A217-A218, đường số 2, Khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	283/GPMT-BTNMT 04/11/2022	19.200,00		19.200,00	768,00	19.200,00	5.105,00
46	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giấy Thuận An	Bình Phước	Lô A, Đường Đ4, Khu công nghiệp Minh Hưng III, Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước	239/GPMT-BTNMT ngày 04/10/2022	240.000,00	125.276,00	240.000,00	235.346,00	240.000,00	125.133,00
47	Công ty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam	Hậu Giang	Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A – Giai đoạn 1, thị trấn Mái Dầm, huyện	557/GPMT-BTNMT ngày 27/12/2023	504.000,00	468.296,00	504.000,00	471.979,00	504.000,00	194.177,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			Châu Thành, tỉnh Hậu Giang							
48	Công ty Sản xuất giấy và bao bì Phương Đông (TNHH)	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phú Lâm, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	276/GPMT-BTNMT ngày 02/8/2023			53.760,00		53.760,00	
49	Công ty Tân Huy Kiệt (TNHH)	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Phong Khê II, phường Phong Khê, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	81/GPMT-BTNMT ngày 03/4/2023	-	-	38.080,00	-	38.080,00	-
50	Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Giấy Phong Châu	Phú Thọ	Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	273/GPMT-BTNMT ngày 26/7/2024	-	-	-	-	48.000,00	-
51	Công ty Cổ phần giấy HKB - Hoa Lư	Ninh Bình	Lô CN5, Cụm công nghiệp Văn Phong, xã Văn Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	418/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022		-	139.536,00	-	139.536,00	-
52	Công ty Cổ phần giấy Rạng Đông	Khánh Hòa	Thôn Phước Tuy, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	205/GPMT-BTNMT ngày 06/09/2022	-	-	-	-	-	-
53	Công ty TNHH Giấy Tiến Nam	Đồng Nai	Đường số 6, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình,	82/GPMT-BTNMT ngày 03/02/2025	33.100,00		33.100,00		33.100,00	

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai							
54	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Giấy Thiên Trí	TP Hồ Chí Minh	65E ấp 5, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	500/GPMT-BTNMT ngày 14/12/2023					33.600,00	1.200,00
55	Công ty Cổ phần Giấy Lừa Việt	Phú Thọ	Khu 9, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	205/GPMT-BTNMT ngày 28/6/2023	19.650,40	-	19.650,40	8.599,645	19.650,40	338.350,00
56	Công ty cổ phần HHP Global	Hải Phòng	Lô đất CN2 thuộc CCN thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	520/GPMT-BTNMT ngày 20/12/2023	45.000,00	3.648,38	45.000,00		45.000,00	13.053,48
57	Công ty Cổ phần Giấy BBP	Phú Thọ	Khu Tầm Vông, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	260/GPMT-BTNMT ngày 11/7/2024						
IV	Phế liệu kim loại màu	7404								
1	Công ty TNHH Công nghiệp Chiến Thắng	Bắc Ninh	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	119/GXN-BTNMT ngày 31/12/2021	29.922,00	-	29.922,00	-	29.922,00	-
2	Công ty Vạn Lợi (TNHH)	Bắc Ninh	Lô số G1-1, G1-2, G1-3, cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, huyện Yên	21/GXN-BTNMT ngày 11/02/2022	26.250,00	-	26.250,00	-	26.250,00	-

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			Phong, tỉnh Bắc Ninh							
3	Công ty TNHH nhôm Minh Dũng	Bắc Ninh	Cụm công nghiệp Dốc Sắt, phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	06/GXN-BTNMT ngày 29/01/2021	8.000,00	-	8.000,00	-	8.000,00	-
4	Công ty TNHH sản xuất AC&T Vina	Bắc Giang	CCN Nội Hoàng, xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	144/GPMT-BTNMT ngày 15/5/2023	3.520,00	269,480	3.520,00	17,154	3.520,00	686,77
5	Công ty TNHH Bedra Việt Nam	Bắc Giang	Lô số B5-B6, Khu công nghiệp Song Khê -Nội Hoàng, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	212/GPMT-BTNMT ngày 12/9/2022 được thay thế bởi giấy số 543/GPMT-BTNMT ngày 25/12/2023	7.220,00	-	7.220,00	-	7.220,00	-
6	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng	Hải Phòng	Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, tp Hải Phòng	73/GPMT-BTNMT ngày 24/3/2023	8.500,00	436,83	8.500,00	312,91	8.500,00	5.623,16

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
7	Công ty TNHH Nakashima Việt Nam	Hải Phòng	Khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	08/GPMT-BTNMT ngày 19/01/2023	1.755,00	196,66	1.755,00	268,16	1.755,00	537,00
8	Công ty cổ phần Hyundai Aluminum vina	Hung Yên	Đường B2, khu B, Khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	115/GPMT-BTNMT ngày 20/4/2023	26.928,00	19.735,00	26.928,00	36.000,00	26.928,00	8.004,61
9	Công ty cổ phần nhôm Ngọc Diệp	Hung Yên	Đường C2, khu C, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	41/GXN-BTNMT ngày 18/6/2021		10.360,00		10.360,00		
10	Công ty TNHH Chang Xin Việt Nam	Ninh Bình	Lô C12, khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	111/GXN-BTNMT ngày 31/12/2021	-	-	-	-	-	-
11	Công ty TNHH Công nghiệp Yang Sin Việt Nam	Thái Bình	Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	279/GPMT-BTNMT ngày 31/10/2022	12.600,00	6.992,00	12.600,00	9.416,68	12.600,00	7.484,73
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Hyundai Aluminum Vina tại Thái Nguyên (trước đây là	Thái Nguyên	KCN Diềm Thụy, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	300/GPMT-BTNMT ngày 12/8/2024	26.928,00	4.735,267	19.735,00	12.141,84	26.928,00	8.004,61

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
	Công ty cổ phần Alutec Vina)									
13	Công ty TNHH Môi trường Sông Công	Thái Nguyên	Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	29/GXN-BTNMT ngày 14/5/2021	43.400,00	42.960,00	43.400,00	-	43.400,00	-
14	Công ty TNHH Minh Hiếu Sài Gòn	Bình Dương	Lô A16, đường N1, Khu Công nghiệp KSB (khu B), xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên; tỉnh Bình Dương	550/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2023	-	-	-		43.000,00	721,771
15	Công ty TNHH Công nghiệp Alustar	Long An	Lô 16, đường số 5, Khu công nghiệp Tân Đức, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	305/GPMT-BTNMT ngày 28/8/2023					4.944,00	65,88
16	Công ty TNHH Trần Tiến Thịnh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đường D3, Khu công nghiệp Phú Mỹ II, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	501/GPMT-BTNMT ngày 14/12/2023	68.880,00		68.880,00		68.880,00	
17	Công ty TNHH sản xuất toàn cầu Lixil Việt Nam	Đồng Nai	Đường D1 KCN Long Đức, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	106/GXN-BTNMT ngày 30/12/2021	26.100,00	-	26.100,00	-	26.100,00	-
18	Công ty TNHH công nghiệp TBD Nhơn Trạch	Đồng Nai	KCN Nhơn Trạch I, tỉnh lộ 319, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	133/GPMT-BTNMT ngày 05/5/2023	6.098,00	-	6.098,00	220,992	6.098,00	-

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
19	Công ty Cổ phần Dây đồng TSM tại tỉnh Đồng Nai		Khu công nghiệp Dệt May (Vinatex), thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	578/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2023	35.776,00	-	35.776,00	-	35.776,00	-
20	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Môi trường Nguyệt Minh 2	Long An	Lô HF 15 đường số 4, KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	86/GXN-BTNMT ngày 12/10/2020	12.500,00	265,90	12.500,00	-	12.500,00	-
21	Công ty TNHH thương mại dịch vụ môi trường Nguyệt Minh 2 - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	KCN Bình Xuyên, xã Sơn Lôi, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	245/GPMT-BNMMT ngày 04/7/2025	15.120,00	15.120,00	15.120,00		15.120,00	15.120,00
22	Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp	Phú Thọ	Lô A và lô CN1, Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	43/GPMT-BTNMT ngày 07/02/2024	17.050,00	662,00	17.050,00	602,30	17.050,00	1.046,00
23	Công ty cổ phần nhôm Sông Hồng	Phú Thọ	phố Hồng Hà, phường Bến Giót, Tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	132/GPMT-BTNMT ngày 05/5/2023	11.510,00	117,399	11.510,00	64.497,00	11.510,00	64.046,00
24	Công ty TNHH Công nghiệp Daeryang Việt Nam	Đà Nẵng	Đường số 05 – Khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng – Phường Hòa Khánh Bắc – Quận Liên	347/GPMT-BTNMT ngày 12/12/2022	5.000,00	182,20	5.000,00	963,88	5.000,00	1.459,75

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
			Chiều – Thành phố Đà Nẵng.							
25	Công ty TNHH sản phẩm ngũ kim Hailiang (Việt Nam)	Tây Ninh	Lô 114-115-120, đường C, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	404/GPMT-BTNMT ngày 30/12/2022		58,29	9.240,00	74,86	9.240,00	797,880
26	Công ty TNHH Gia công đồng Hải Lượng Việt Nam	Tiền Giang	Lô 67, 68, 69a, 73, 75, 76a Khu công nghiệp Long Giang, xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	386/GPMT-BTNMT ngày 30/09/2024	8.000,00	-	8.000,00	-	29.000,00	-
27	Công ty TNHH Vật liệu hợp kim Bedra Việt Nam	Bắc Giang	Lô CN-06, Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	120/GPMT-BTNMT ngày 24/4/2023	-	-	-	-	28.448,00	-
28	Công ty TNHH Quốc tế Bright Việt Nam	Bắc Ninh	Lô CN 01, 02, 03, 04, 05 Khu công nghiệp (KCN) Thuận Thành II, xã An Bình, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	32/GPMT-BTNMT ngày 22/02/2023 137/GPMT-BTNMT ngày 17/4/2024 (Điều chỉnh lần 01)	12.313,00	-	12.313,00	-	12.313,00	10.261,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
29	Công ty Cổ phần Inox Diệu Thịnh	Long An	Lô G02, đường tỉnh 823B, Cụm công nghiệp Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	321/GPMT-BTNMT ngày 31/8/2023	-	-	41.664,00		41.664,00	212,00
30	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí 17	Hà Nội	xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	260/GPMT-BTNMT ngày 11/7/2024	-	-	-	-	47.174,00	-
31	Công ty TNHH Xintai Aluminum Việt Nam	Hung Yên	xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	453/GPMT-BTNMT ngày 29/10/2024	-	-	-	-	50.522,00	-
32	Công ty Cổ phần Pramac	Hải Dương	Xã Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	63/GXN-BTNMT ngày 22/5/2022	52.547,00	74,90	52.547,00	426,255	52.574,00	2.095,00
33	Công ty Cổ phần Aluminum Hàn Việt	Thái Nguyên	Lô CN7, Khu công nghiệp Diềm Thụy, phường Hồng Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	294/GPMT-BTNMT ngày 18/8/2023	-	-	39.821,00	-	39.821,00	-
34	Công ty TNHH Cơ khí Mian Lan	Long An	Xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	360/GPMT-BTNMT ngày 29/9/2023	-	-	7.416,00	-	7.416,00	25,00

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
35	Công ty Cổ phần đầu tư xây lắp Toàn Cầu	Hải Dương	CCN Ba Hàng, phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	159/GP-BTNMT ngày 26/07/2022	64.352,00	5.683,00	64.352,00	20.259,00	64.352,00	2.095,00
36	Công ty TNHH Shinyang Metal Việt Nam	Hải Dương	KCN Đại An mở rộng, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm giàng, tỉnh Hải Dương	254/GP-BTNMT ngày 10/07/2024					17.017,00	1.317,00
37	Công ty TNHH Chế tạo máy Citizen Việt Nam	Hải Phòng	Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, phường An Hưng, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	168/GPMT-BNNMT ngày 05/6/2025	4.900,00	843,39	4.900,00	2.800,26	4.900,00	1.531,27
38	Công ty TNHH Sanhua (Việt Nam)	Hải Phòng	KCN An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	50/GXN-BTNMT ngày 15/04/2022	4.047,00	177,34	4.047,00	656,90	3.035,00	504,18
39	Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Quảng Phát	Bình Dương	Thửa đất số 45 -56-190 -191, tờ bản đồ số 39, ấp Lai Khê, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	86/GPMT-BTNMT ngày 05/4/2023			11.182,00		11.182,00	2.072,95

TT	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu	Tỉnh/thành phố	Địa chỉ hoạt động	Giấy phép môi trường thành phần/ Giấy phép môi trường	Phế liệu nhập khẩu năm 2022 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2023 (tấn)		Phế liệu nhập khẩu năm 2024 (tấn)	
					Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế	Khối lượng theo giấy phép	Khối lượng nhập khẩu thực tế
40	Công ty TNHH Innovation Precision Việt Nam	Nghệ An	Số 3, đường số 4, Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An							
41	Công ty TNHH MTV SJ Tech Việt Nam	Bắc Ninh	KCN Vân Trung, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh	382/GPMT-BNNMT ngày 18/9/2025						
V	Phế liệu thủy tinh									
1	Chi nhánh Công ty TNHH thủy tinh Malaya - Việt Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu	KCN Mỹ Xuân A, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	45/GPMT-BTNMT ngày 07/02/2024	25.000,00	-	25.000,00	-	26.889,50	-

Bảng 3. Danh sách các cơ sở thu gom, sử dụng phế liệu trong nước (không trùng với cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất): Rà soát, thống nhất, bổ sung số liệu đến thời điểm báo cáo

STT	Tên Công ty	Tên dự án/cơ sở	Địa chỉ hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Số văn bản phê duyệt ĐTM/GPMT đã được phê duyệt, cấp phép	Công suất thiết kế	Công suất hoạt động

Phụ lục 3**DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT PHÂN BÓN HỮU CƠ TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC²****(Kèm theo Công văn số/BNNMT-MT ngày tháng 10 năm 2025)**

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
1	Công ty CP phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi	4300299765	tổ 9, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0429/GCN-BVTV-PB	28/04/2027	6.500	0255 3823 532
2	Công ty TNHH phân bón hóa chất SOLA	5500461449	Tiểu khu 2, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.	0282/GCN-BVTV-PB	25/08/2027	5.000	0212 3746 555 - 0789 050 591
3	Công ty cổ phần Tổng công ty Nông nghiệp Quảng Bình	3100115842	khu công nghiệp Bắc Đồng Hới, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0537/GCN-BVTV-PB	27/12/2028	32.000	0232 2233 888
4	Công ty TNHH MTV khai thác sản xuất thương mại dịch vụ vận tải xuất nhập khẩu Khương Nam Việt	1701883281	Tổ 4, ấp Núi Trầu, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, Kiên Giang.	0308/GCN-BVTV-PB	9/3/2026	4.000	913660614
5	Công ty TNHH sản xuất – thương mại Tô Ba	0302124280	Lô C5-3 Thuộc khu C5, Đường D4, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh	0505/GCN-BVTV-PB	13/07/2027	280	028 6251 5546

² Tính đến thời điểm ngày 30/6/2025

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
6	Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ngọc Tùng	0301415086	Lô C2-C3, Đường số 1, KCN Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh, Bến Lức, Long An	0411/GCN-BVTV-PB	13/04/2027	15.000	028.3775 4034 (ext 108)
7	Công ty cổ phần Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	2600108471	Khu Phương Lai, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	0019/GCN-BVTV-PB	10/08/2027	9.500	0210 3825 139
8	Công ty cổ phần Phân lân Ninh Bình	2700224471	Thôn Bộ Đầu, xã Ninh An, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	0577/GCN-BVTV-PB	28/08/2027	20.000	02293 610 863
9	Công ty TNHH Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	4400387567	Lô C4, C5, C9, C10 KCN Đông Bắc Sông Cầu, xã Xuân Hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	0368/GCN-BVTV-PB	11/03/2027	4.000	025 7372 1288
10	Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	0302430986	Nhà Máy Phân bón Năm Sao, Cụm công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An	0035/GCN-BVTV-PB	12/05/2027	50.000	028 3824 2080
11	Công ty cổ phần Kiên Nam	1100792664	Lô MB4-3, Khu công nghiệp Đức Hòa 1-Hạnh Phúc, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0634/GCN-BVTV-PB	16/07/2028	200	0272 3779 824

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
12	Công ty cổ phần Thiên Sinh	3700477499	Số 234, đường ĐT 744, ấp Dòng Sỏi, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0385/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	82.050	0274 3578 313
13	Công ty cổ phần Hóc Môn	0302265919	Số 67/8H ấp Dân Thắng 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	0581/GCN-BVTV-PB	29/08/2027	300	.02838910460
14	Công ty cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông	2800142141	Nhà máy dinh dưỡng cây trồng Tiến Nông 3, Km 312, Quốc lộ 1A, xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0686/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	8.000	02373 729 729
15	Công ty cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông	2800142141	Nhà máy dinh dưỡng cây trồng Tiến Nông Bím Sơn, Lô B5, Khu B, KCN Bím Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0688/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	40.000	02373 729 729
16	Công ty cổ phần Công Nông nghiệp Tiến Nông	2800142141	làng Del, xã Ia Glai, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	0319/GCN-BVTV-PB	21/5/2028	18.000	02373 729 729
17	Công ty TNHH Thuận Long	0305139246	182/6D, ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố	0482/GCN-BVTV-PB	06/06/2027	10.000	937015219

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hồ Chí Minh				
18	Công ty TNHH Voi Trắng	3601563940	Cụm công nghiệp Suối Sao, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0335/GCN-BVTV-PB	21/12/2026	10.300	986894040
19	Công ty TNHH thương mại Ngọn Lửa Xanh	0314291977	Lô G01, đường số 1, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0871/GCN-BVTV-PB	30/7/2029	100	0983 508 708
20	Công ty TNHH Sản xuất - Dịch vụ - Thương mại Hiếu Giang	0302549036	thôn Thái Sơn, xã N-Thol Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	0491/GCN-BVTV-PB	03/12/2028	8.000	028 3898 9090
21	Công ty TNHH Một thành viên Thiên Phú Điền	1401928580	Số 066, tỉnh lộ 847, ấp Mỹ Đông 4, xã Mỹ thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.	0626/GCN-BVTV-PB	26/02/2028	1.290	02773 923 939
22	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Xanh Đồng	6000804643	Lô CN 14, khu công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	0190/GCN-BVTV-PB	14/05/2027	9.000	02613 682 118
23	Công ty CP hóa chất Quảng Ngãi	4300321530	xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	0210/GCN-BVTV-PB	28/04/2027	10.000	0255 3716 193
24	Công ty TNHH Anh em	1300412863	144/11 ấp Quy Sơn, thị trấn Chợ Lách, huyện	0397/GCN-BVTV-PB	04/04/2027	1.250	2753712345

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Chợ Lách, tỉnh Bến Tre				
25	Công ty cổ phần Hóa nông Kyoodai	0105754156	Km19, Quốc lộ 6A, phường Biên Giang, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	0654/GCN-BVTV-PB	13/09/2027	60	024 6680 7126
26	Công ty TNHH NN An Phát	0315527368	Lô G01, đường số 1, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0896/GCN-BVTV-PB	27/11/2029	200	0903 093 929
27	Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Cánh Đồng Xanh	1300646396	Ấp 2, xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	0636/GCN-BVTV-PB	11/9/2027	150	2753635111
28	Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển Công nghệ cao	0101587024	Tiểu khu Đường, thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội	0153/GCN-BVTV-PB	24/3/2029	3.800	024 3385 1390/ 0914 728 877
29	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Vân Nguyên	0302993996	ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0215/GCN-BVTV-PB	28/06/2027	400	028 2217 6305
30	Công ty TNHH Phát triển công nghệ sinh học Việt Phương	1001049909	Lô B1, cụm công nghiệp Phong Phú, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	0658/GCN-BVTV-PB	13/09/2027	200	0904 265 088

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
31	Công ty TNHH hóa chất nông nghiệp Quốc tế	6000909999	Tổ 3, Khối 8A, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0347/GCN-BVTV-PB	13/1/2027	3.050	2623915266
32	Công ty TNHH Thu Hiền	2200286335	Lô P1, đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	0708/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	1.000	0932 806 166
33	Công ty TNHH Thương mại Đức Thịnh	1600767426	Ấp Vĩnh Lợi, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	0374/GCN-BVTV-PB	20/03/2027	360	0907 830 405
34	Công ty TNHH Phân Bón Nông Hải SG	0305716461	Ấp Suối Cát, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	0546/GCN-BVTV-PB	15/08/2027	9.000	0979 466 868
35	Công ty TNHH TCL Dona Sài Gòn	0312824098	Lô F, KCN Đức Hòa III - Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0666/GCN-BVTV-PB	14/09/2027	450	907143012
36	Công ty TNHH một thành viên Việt Đức	4300552520	Lô G6, Cụm công nghiệp Quán Lát, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	0603/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	5.000	0255 6284 279
37	Công ty TNHH Techno Farm	1102042988	Lô G01, đường số 1, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh	0870/GCN-BVTV-PB	30/7/2029	100	0981 810 115

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An				
38	Chi nhánh Công ty cổ phần Phân bón Nova Hoa Kỳ	0311568821	Ấp 5, cụm công nghiệp Quốc Quang Long An, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0498/GCN-BVTV-PB	05/07/2027	150	0916 345 567
39	Công ty cổ phần hữu cơ Daito	3700320025	Tổ 9, KP Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0287/GCN-BVTV-PB	24/08/2027	93.400	02513 510 776
40	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nông Dược Long An	1101793357	Lô D02B, Cụm công nghiệp Đức Thuận, Khu công nghiệp Đức Hòa 3, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	0278/GCN-BVTV-PB	10/05/2027	550	919991347
41	Công ty cổ phần Phân bón Mỹ Việt	0305883945	Kho E3-Tổng kho Sacombank, Đường số 1, KCN Tân Kim, ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0316/GCN-BVTV-PB	17/07/2027	3.500	0272 3874 688
42	Công ty TNHH Thương mại Thái Phong	0301345738	khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0494/GCN-BVTV-PB	28/06/2027	5.000	028 3857 0896 - 028 3856 7327

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
43	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phân bón Phú Điền	2500217893	Tổ dân phố Hướng Lộc, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	0709/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	3.000	
44	Công ty cổ phần Thanh Hà	2800803923	Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội	0425/GCN-BVTV-PB	24/04/2027	900	0982 290 613
45	Công ty cổ phần Năm Thao	2700346536	Yên Cư 4, xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	0271/GCN-BVTV-PB	07/11/2028	8.910	0913 397 220
46	Công ty cổ phần Phú Nông	2700284199	Xóm 7, xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.	0283/GCN-BVTV-PB	07/11/2028	8.910	0976 003 049
47	Công ty cổ phần Thành Nông Thanh Hóa	2801962676	thôn Xuân Phú, xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0843/GCN-BVTV-PB	25/1/2029	1.500	02378 679 789
48	Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh phân bón An Điền	0312939740	thôn Kon Gung, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	0831/GCN-BVTV-PB	15/11/2028	9.000	0903 906 717
49	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hóa Nông	0304735260	8/7B Trần Văn Mười, ấp Xuân Thới Đông 1, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	0388/GCN-BVTV-PB	27/03/2027	950	0902 596 878

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
50	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hóa Nông	0304735260	22D, đường Đặng Công Bình, Ấp 6, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	0389/GCN-BVTV-PB	27/03/2027	6.000	0902 596 878
51	Công ty cổ phần Bình Điền Quảng Trị	3200269109	Lô 22, Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	0151/GCN-BVTV-PB	14/08/2027	7.000	0233 3581 376 - 0233 3581369
52	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Thiên Phúc	6000468857	Thôn Đoàn Kết, xã Ea D-Rong, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.	0530/GCN-BVTV-PB	07/08/2027	17.500	0262 3536 146
53	Công ty cổ phần Sécptin và Phân bón Thanh Hóa	2800237812	thôn Yên Thái, xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa	0607/GCN-BVTV-PB	31/01/2029	10.050	02373 965 003
54	Công ty cổ phần Lương thực Vật tư nông nghiệp Nghệ An	2901628481	Khu kinh tế Đông Nam, Nghi Long, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.	0199/GCN-BVTV-PB	18/11/2026	9.500	023 8361 6868
55	Công ty TNHH An Hưng Nông	0309721416	Ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An	0620/GCN-BVTV-PB	06/09/2027	5.000	0903 250 679
56	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nông nghiệp Việt	0312891224	ấp Công Thiện Hùng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà	0616/GCN-BVTV-PB	23/06/2030	1.000	0915 283 009

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Vinh				
57	Công ty TNHH Nutifer VN	1101793371	Lô D01A, Cụm công nghiệp Đức Thuận, Khu công nghiệp Đức Hòa 3, ấp Trầm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	0370/GCN-BVTV-PB	13/03/2027	2.000	918.835.755
58	Công ty cổ phần hợp lực Quốc tế	3601570384	ấp 6, xã Vĩnh Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	0564/GCN-BVTV-PB	24/08/2027	3.600	0948 509 090
59	Công ty cổ phần phân bón Việt Anh	0312610716	Nhà xưởng 1, Lô B119B-2, đường A, KCN Thái Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0741/GCN-BVTV-PB	24/10/2027	800	0918 849 668
60	Công ty TNHH Việt Thái Hàn	3603060283	Lô CN12, KCN Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	0270/GCN-BVTV-PB	6/10/2025	3.800	0983 650 404
61	Công ty cổ phần Nutrifarm	3603384263	thôn Dân Bình, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	0907/GCN-BVTV-PB	30/12/2029	5.950	0984 555 856
62	Công ty TNHH An Bình VN	0313240585	Xưởng 1.4, Lô A113 đường số 2, KCN Thái	0473/GCN-BVTV-PB	02/06/2027	200	0833 381 616

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An				
63	Công ty TNHH thương mại-sản xuất GNC	1601005621	Số 673, Quốc lộ 91, Bình Hòa, Châu Thành, tỉnh An Giang.	0099/GCN- BVTV-PB	2/11/2025	230	0296 3652277
64	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ TDE	1800576789	Số 120/7A, Hoàng Quốc Việt, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0681/GCN- BVTV-PB	20/07/2028	700	02923 730 073
65	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông nghiệp Mai Vàng	1401988597	Quốc lộ 54, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	0350/GCN- BVTV-PB	10/6/2030	19.000	02773 649 779
66	Công ty cổ phần hóa nông An Giang	1601057475	ấp Long Định, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	0077/GCN- BVTV-PB	3/11/2025	3.000	02963 636 600 - 02963 911 678
67	Công ty TNHH Một thành viên sản xuất thương mại Thành Nông	1400945336	Số 1335/C, ấp Mỹ Tây 2, xã Mỹ Quý, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	0670/GCN- BVTV-PB	14/09/2027	700	989300428
68	Công ty TNHH SX TM DV công nghệ sinh học Abio Việt Nam	1201602694	Số 479 ấp 5, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	0404/GCN- BVTV-PB	08/04/2027	3.000	902002403
69	Công ty TNHH sản xuất phân bón Thuận	1600975401	Ấp Bình An 2, xã An Hòa, huyện Châu	0037/GCN- BVTV-PB	18/3/2028	1.000	0919 022 167

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Lợi		Thành, tỉnh An Giang				
70	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Bốn Mùa	0310459555	Lô A101C, đường số 1, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0315/GCN-BVTV-PB	8/4/2026	15.000	0907 109 342
71	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nghĩa Thành	2300336050	thôn Từ Phong, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	0448/GCN-BVTV-PB	11/05/2027	100	0222 3824 066
72	Công ty cổ phần Phân bón Hà Nội	0106045995	tổ dân phố Trung, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0715/GCN-BVTV-PB	18/09/2027	12.000	024 8587 8691
73	Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Hoàng Gia	0305724864	Xưởng sản xuất, 151/3 Đường Nguyễn Thị Nê, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	0679/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	3.000	028 6253 8677 - 0834 226 879
74	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lợi Đồng	0311857252	Chi nhánh Công ty TNHH đầu tư và phát triển Lợi Đồng, Lô F03, Đường số 1, cụm công nghiệp Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0250/GCN-BVTV-PB	23/10/2029	140	0903 674 616
75	Công ty cổ phần Delta	1101150204	Lô ME9-2, Lô ME10-	0633/GCN-	29/03/2028	70	0913 973 233

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Cropcare		2, Đường số 6, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	BVTV-PB			
76	Công ty cổ phần Genta Thụy Sĩ	0312361555	Lô D04, đường số 1, CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0300/GCN-BVTV-PB	29/03/2027	550	0947 717 671
77	Công ty TNHH MTV Vật tư nông nghiệp Bùi Gia	0801003644	Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0481/GCN-BVTV-PB	06/06/2027	1.500	0320 3838 826/ 0919 968 993
78	Công ty TNHH Phân bón Phú Nông	0310631358	A8/13B, Ấp 1, xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0400/GCN-BVTV-PB	05/04/2027	3.200	028 3636 2837
79	Công ty TNHH FNANO	4201699579	Quốc lộ 1A, thôn Cây Xoài, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	0105/GCN-BVTV-PB	12/09/2027	800	
80	Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp và Thương mại An Hưng	0304457535	Thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	0031/GCN-BVTV-PB	13/9/2027	4.000	028 3537 0970 - 0988 880 477
81	Công ty cổ phần Đầu	3502204267	Ấp Thèo Nèo, xã Bình	0720/GCN-	18/09/2027	600	0983 808 292

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ XNK Trung Nam		Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BVTV-PB			
82	Công ty cổ phần Khang Nông	3400732010	Lô 6/13+6/15 Khu công nghiệp Phan Thiết, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0519/GCN-BVTV-PB	28/07/2027	5.600	0908 070 437
83	Công ty cổ phần Ứng dụng công nghệ sinh học An Thái	6000841349	Lô B02-B03 Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	0008/GCN-BVTV-PB	15/05/2027	9.000	0262 3728 999
84	Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Đại Sơn	0103033134	thôn Giữa, xã Cổ Dũng, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0693/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	2.000	0965 687 789
85	Công ty TNHH Hạnh Nguyên Vi Na	4400829173	Nhà máy sản xuất phân bón NPK Phú Việt - Công ty TNHH Hạnh Nguyên Vi Na, cụm công nghiệp Hoà An, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	0100/GCN-BVTV-PB	21/07/2027	1.000	0257 354 8848
86	Công ty cổ phần phân bón Đại Nam	0312070683	Một phần lô H, khu công nghiệp Việt Hóa Đức Hòa 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức	0598/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	2.150	0983 615 357

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hòa, tỉnh Long An				
87	Công ty TNHH Đức Thành	3700619168	26/20 khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	0381/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	7.950	0908 162 789
88	Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại Trí Việt	1100843647	Ấp 7 Mết, xã Kiến Bình huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	0704/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	900	0916 838 440
89	Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn	2800783723	thôn Đá Dựng, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	0269/GP-BVTV-PB	28/08/2027	60.100	02373 268 666
90	Công ty TNHH Dinh Thành Đạt	0311216185	Số 2 Hoàng Hữu Nam, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	0728/GCN-BVTV-PB	19/09/2027	6.120	0903 309 219
91	Công ty TNHH Nam Điền	0101707878	cụm công nghiệp xã Cổ Dũng, xã Cổ Dũng và xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0586/GCN-BVTV-PB	30/08/2027	2.900	0972 386 667
92	Công ty TNHH một thành viên Tô Nam Biotech	1101765857	Lô F10, Đường số 5, khu công nghiệp Đức Hòa 3 - Hồng Đạt, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long	0726/GCN-BVTV-PB	19/09/2027	200	0913 915 564

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			An				
93	Công ty TNHH Trường Sơn	900228864	thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	0600/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	150	0979 012 681
94	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Triệu Nguyên	0305774488	Số 26 Hoàng Hữu Nam, ấp Mỹ Thành, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	0718/GCN-BVTV-PB	18/09/2027	1.000	0903 673 049
95	Công ty cổ phần Phân bón Sơn Trang	0800446530	Km 66, Quốc lộ 5, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0588/GCN-BVTV-PB	30/08/2027	9.000	0983 697 089
96	Công ty TNHH Điền Trang	0304213842	Chi nhánh Công ty TNHH Điền Trang tại Bình Dương - thửa đất số 747, tờ bản đồ số 37, ấp Vườn Vỹ, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	0361/GCN-BVTV-PB	21/2/2027	4.330	028 6281 3021
97	Công ty cổ phần phân bón sinh hóa Củ Chi	0302271091	Số 121, QL22, ấp Bàu Tre, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	0488/GCN-BVTV-PB	12/06/2027	10.000	2838920437
98	Công ty TNHH Quốc tế Toyama Nhật Bản	0313320671	Lô C06, đường số 1, cụm công nghiệp Đức	0395/GCN-BVTV-PB	25/04/2030	160	0978 208 235

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
99	Cơ sở sản xuất phân bón Thiên Lộc	46C8021533	Ấp Lô Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0651/GCN-BVTV-PB	12/09/2027	400	0918 274 758
100	Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ Horih Xanh	0313216455	Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ Horih Xanh, số 27/5, tổ 2, ấp 3, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0317/GCN-BVTV-PB	14/4/2026	7.700	0907 789 698
101	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất An Bình	1800582239	224 khu vực 2, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	0615/GCN-BVTV-PB	21/05/2028	1.600	918834348
102	Công ty TNHH Thanh Xuân	1700549291	Tổ 6, ấp Thuận Hòa, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.	0770/GCN-BVTV-PB	11/1/2028	3.600	02973 863 048 - 0945 678282
103	Công ty TNHH Khải Thịnh	4702003606	ấp Cây Diệp, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0442/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	800	0983 319 951
104	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Nông Nguyên	3701977991	Lô B219C, đường D, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ,	0323/GCN-BVTV-PB	5/5/2026	9.000	0919 097 086

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Phát		huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
105	Công ty TNHH Phân bón Bảo Lâm	0103226150	Xóm Đồng, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Hà Nội.	0652/GCN-BVTV-PB	13/09/2027	1.000	024 3366 9340
106	Công ty cổ phần Su Mo Long An	1101814078	Lô A21A-22, Đường số 6, khu công nghiệp Hải Sơn (GD3+4), xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0260/GCN-BVTV-PB	29/03/2027	20.000	0963 123 947
107	Công ty cổ phần Nghiệp Nông	0309350031	Lô B218, đường số 5, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	0208/GCN-BVTV-PB	11/09/2027	500	0903 183 450
108	Công ty TNHH Thiên Phú	1800739793	ấp Bình Hòa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	0472/GCN-BVTV-PB	25/09/2028	190	0949 444 111
109	Công ty TNHH Công nghệ sạch nông nghiệp	2600639747	Nhà xưởng C1, đường số 4, CCN Liên Hưng, ấp Bình Tiền, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0614/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	1.300	0962 241 635
110	Công ty TNHH Công nghệ sạch nông nghiệp	2600639747	Chi nhánh Công ty TNHH công nghệ sạch	0273/GCN-BVTV-PB	6/10/2025	7.500	0962 241 635

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			nông nghiệp, Trạm chuyên giao sinh học Văn Giang, xã Liên Nghĩa, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên				
111	Hộ kinh doanh Hoàng Đình Thiên Hộ I	1200468460	Tổ 30, ấp Mỹ Trung, xã Hậu Mỹ Bắc B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	0899/GCN-BVTV-PB	4/12/2029	2.000	02733 822 156
112	Công ty TNHH xuất nhập khẩu phân bón CONTINENTAL	0312909538	Lô A104, đường số 1, KCN Thái Hoà, ấp Tân Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0790/GCN-BVTV-PB	8/5/2028	1.700	0912 843 939
113	Công ty TNHH một thành viên Việt Thái Tín	1601444786	Quốc lộ 91B, khu vực Thới Hòa 1, phường Thới Thuận 1, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ	0305/GCN-BVTV-PB	7/2/2026	800	913819080
114	Công ty TNHH Phân bón An Dân	0308806667	32/4B Ấp Mới 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	0399/GCN-BVTV-PB	05/04/2027	90	0918 357 895
115	Công ty TNHH sản xuất kinh doanh APC	1101802467	Lô A2, Đường số 5, Khu công nghiệp Hải Sơn (GĐ 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức	0148/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	1.150	918304499

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hoà, tỉnh Long An				
116	Công ty TNHH Công nghệ Tanixa	0313928237	Lô A18A, đường số 6, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0604/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	1.300	0976 788 065
117	Công ty TNHH Tấn Hưng Việt Nam	1101748932	Lô B213, đường số 5, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0617/GCN-BVTV-PB	26/11/2029	400	0918 606 076
118	Công ty cổ phần Phân bón Đông Á	1101844509	Lô B120C, đường B, Khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0261/GCN-BVTV-PB	29/03/2027	2.000	027 2627 2829
119	Công ty TNHH Hóa chất Phân bón, Thuốc BVTV Dubai	1101798524	Lô B115, đường số 5, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0124/GCN-BVTV-PB	06/09/2027	500	027 2377 4385
120	Công ty TNHH phân bón Toàn Cầu	0312091059	Lô G01, đường số 1, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0908/GCN-BVTV-PB	10/04/2030	180	0983 231 136

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
121	Công ty TNHH Trọng Nghĩa	4000457770	Lô C4 cụm công nghiệp Đông Phú, thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam	0563/GCN-BVTV-PB	24/08/2027	5.000	0985 000 525
122	Công ty cổ phần khoa học công nghệ Hóa Sinh	0312891376	Đường Hoàng Diệu, khu phố Xoan, thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	0329/GCN-BVTV-PB	21/7/2026	9.000	2838354421
123	Công ty TNHH MTV phân bón Tuấn Tài	1102040998	Lô B201C, đường DH, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	09129/GCN-TTBVTV-PB	18/04/2030	150	0868 811 159
124	Công ty TNHH MTV Phân bón Hưng Định	4300307568	Lô C6/2, Đường số 5, khu công nghiệp Tịnh Phong, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	0091/GCN/BVTV-PB	28/04/2027	3.000	0255 3822 407
125	Công ty TNHH Sản xuất Tấn Đức	0310214058	Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất Tấn Đức, Lô F03/1A, Đường số 1, cụm công nghiệp Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0249/GCN-BVTV-PB	23/10/2029	200	0984 013 789

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
126	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tứ Quý	0310385776	Nhà xưởng số 3, lô B217, Đường số 5, khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0464/GCN-BVTV-PB	17/04/2030	150	0919 174 963
127	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	Chi nhánh tại Quảng Trị, thôn Mai Đàn, xã Hải Lâm, xã Hải Thọ, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	0267/GCN-BVTV-PB	20/9/2025	9.000	02323 515 577
128	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	xóm Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	0538/GCN-BVTV-PB	14/08/2027	9.500	02323 513 796
129	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	Chi nhánh tại Bắc Ninh, cụm công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	0630/GCN-BVTV-PB	08/09/2027	10.000	02323 513 796
130	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	Làng Nhã Prông, thôn 3, xã Chư Á, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0461/GCN-BVTV-PB	18/5/2027	8.000	02323 513 796
131	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	khối 8, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk	0460/GCN-BVTV-PB	18/5/2027	9.500	02323 513 796

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
132	Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	3100126555	Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty Sông Gianh tại Đồng Nai, Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0441/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	9.500	02323 513 796
133	Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	3300101244	thôn Đức Phú, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	0536/GCN-BVTV-PB	10/08/2027	30.000	02343 551 773 - 02343 551365
134	Công ty TNHH một thành viên Nguyên Bảo Long	1701896851	Số 197, ấp Sơn Thịnh, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	0571/GCN-BVTV-PB	25/08/2027	2.000	0834 511 114
135	Công ty TNHH Phân bón Nhật Bản	3603205669	đường Đoàn Văn Cự, ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0384/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	30.000	0987 788 399 - 0978 090 999
136	Công ty cổ phần Hoa Cương Đất Việt	6000512400	Cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Cư Pong, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	0009/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	1.000	0918 368 827
137	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Đại Thịnh Phát	0304921958	thôn 4, xã Ma Đa Guôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng	0492/GCN-BVTV-PB	13/06/2027	5.000	0903 945 545
138	Công ty cổ phần sản xuất thương mại phân	3700773346	Số 69, tổ 2, KP 6, phường Vĩnh Tân, thị	0450/GCN-BVTV-PB	15/5/2027	14.000	0907555444

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	bón Đất Xanh		xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương				
139	Công ty TNHH Một thành viên sản xuất thương mại Hóa Nông Lúa Xanh	1801008549	tỉnh lộ 932, ấp Nhơn Thuận 2, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ	0573/GCN-BVTV-PB	28/08/2027	240	0932 900 669
140	Công ty TNHH Hàng Tiêu dùng Đại Dương	3901166863	Ấp Bến Kinh, xã Đôn Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	0554/GCN-BVTV-PB	19/08/2027	20.000	0903 859 146
141	Công ty TNHH Một thành viên TM và SX phân bón Thuận Mùa	1601487485	Tổ 3, ấp Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	0297/GCN-BVTV-PB	1/12/2025	3.600	02963 667 597
142	Công ty cổ phần Bình Điền - Lâm Đồng	5800606078	tiểu khu 278B, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	0490/GCN-BVTV-PB	12/06/2027	28.000	02633 840 416
143	Công ty TNHH Tập đoàn An Nông	1101724106	Lô H7, Đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0401/GCN-BVTV-PB	06/04/2027	120	0272 377 990
144	Công ty TNHH ADC	1800348038	Khu vực Thới Ngươn B, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	0487/GCN-BVTV-PB	12/06/2027	22.200	0292 365 9999

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
145	Công ty cổ phần nông nghiệp MTX Việt Nam	0106125619	Thôn Hạ Hiệp, xã Liên Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	0303/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	7.200	024 6651 2779 - 0974 221 331
146	Công ty cổ phần Thần Nông Thanh Hóa	2800588955	Lô C4 - Khu công nghiệp Lễ Môn, xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	0344/GCN-BVTV-PB	6/1/2027	8.000	2373910369
147	Công ty cổ phần Bình Điền - Mekong	1100845080	Lô A20B, Đường C4, khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	0152/GCN-BVTV-PB	11/10/2029	8.000	027 6358 4222
148	Công ty TNHH thương mại-sản xuất Phước Hưng	0302524345	379 Nguyễn Cửu Phú, Ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0454/GCN-BVTV-PB	16/5/2027	50	2837600681
149	Công ty cổ phần Sinh học Mê Kông	0309810401	Lô D1, đường số 1, Cụm công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	0392/GCN-BVTV-PB	29/03/2027	2.000	028 3710 6929
150	Công ty cổ phần Phân	0313277345	K20, Kênh 21, Nông	0479/GCN-	06/06/2027	5.050	2837672344

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	bón Việt Dũng		trường Tam Tân, ấp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	BVTV-PB			
151	Công ty TNHH Nông Nghiệp Xanh và Xanh	1101365094	Lô E (xưởng 2) - Tổng kho Sacombank, Khu công nghiệp Tân Kim, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0744/GCN-BVTV-PB	06/11/2027	6.400	0272 3741994
152	Công ty cổ phần Multiagro	0104634642	Lô D4, cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	0299/GCN-BVTV-PB	7/12/2025	150	2466871058
153	Công ty TNHH Á châu Hóa Sinh	1101391584	Lô E4-1, Đường số 3, KCN Hồng Đạt - Đức Hoà 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0045/GCN-BVTV-PB	26/2/2028	540	0938 988 368
154	Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật ATC	0311968241	Lô B114, đường số 5, Khu công nghiệp Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.	0393/GCN-BVTV-PB	29/03/2027	400	18009227

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
155	Công ty TNHH Tiếp Phát	1100555159	Lô C2-5, đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0412/GCN-BVTV-PB	13/04/2027	810	0272 3647 368
156	Công ty TNHH Đông Dương	2700275652	Lô HT3, khu công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	0531/GCN-BVTV-PB	07/08/2027	9.000	0913 397 307
157	Công ty cổ phần phân bón Hà Lan	0100776325	Lô F2A, đường số 2, Khu công nghiệp Tân Kim, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0452/GCN-BVTV-PB	26/5/2027	5.000	0272 3874 686
158	Công ty cổ phần Cây trồng Bình Chánh	0301432927	Lô E7-8-13-14 Đường số 6, khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh Xuân, Ấp 1, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0677/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	300	0918 017 171
159	Công ty TNHH MTV Lakmin Thái	1101771402	Lô B230, Đường số 8, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0832/GCN-BVTV-PB	15/11/2028	100	028 5401 8018

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
160	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bắc Á	0800787410	thôn Xuân Nẻo, xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	0431/GCN-BVTV-PB	03/05/2027	100	02203 748 167 - 0986 410 007
161	Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phân hữu cơ sinh học Thanh Bình	0304323098	Số 1, ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0440/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	15.000	02513 928 226
162	Công ty cổ phần Sen Ta Nhật Bản	0311930110	Số 211/16 ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.	0378/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	400	903783576
163	Công ty TNHH Thiên Ngu	0310000666	Lô A-208, Đường số 1, KCN Đức Hòa III Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0735/GCN-BVTV-PB	28/09/2027	1.650	0283 768 5491
164	Công ty TNHH Thương mại Ngân Gia Nhật	0306288730	Lô C10-1, Đường số 4, khu công nghiệp Tân Kim, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0289/GCN-BVTV-PB	11/04/2027	60	028 6275 2297
165	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hòa Phú	0500475139	Km6, Quốc lộ 21A, Đội 3, thôn Thắng Đầu, xã Hoà Thạch, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	0653/GCN-BVTV-PB	13/09/2027	3.500	0975 663 313
166	Công ty TNHH sản	0304239061	71/65 Ấp 2, xã Nhị	0355/GCN-	18/1/2027	20	028 3711 5195

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	xuất thương mại Long Phú		Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	BVTV-PB			
167	Công ty cổ phần Phân bón Lộc Xuân	0106314197	thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	0657/GCN-BVTV-PB	13/09/2027	90	024 3598 1118
168	Công ty TNHH sản xuất - thương mại Ba Con Rồng	0302183857	Chi nhánh Khánh Hưng, đường N2, ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	0366/GCN-BVTV-PB	02/03/2027	5.000	0972 880 777
169	Công ty TNHH Phân bón GROUP	1101699072	Lô A 102, Đường số 1, KCN Đức Hòa III - Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0396/GCN-BVTV-PB	30/03/2027	4.956	0919 29 19 48
170	Công ty TNHH sản xuất và thương mại RVAC	1200667628	Số 100, tỉnh lộ 865, khu phố 3, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	0351/GCN-BVTV-PB	13/1/2027	1.800	02733 850 092
171	Công ty TNHH Nông Á	0304772304	Thôn Quỳnh Tân II, thị trấn Buôn Trấp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	0336/GCN-BVTV-PB	26/12/2026	750	981303279

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
172	Công ty TNHH một thành viên phân bón hữu cơ Đạm Đặc	6300043647	Đường 1 tháng 5, phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	0552/GCN-BVTV-PB	18/08/2027	20.000	0293 396 3089
173	Công ty TNHH MTV thương mại sản xuất Việt Liên	3701641871	thửa đất số 229, tờ bản đồ số 38, ấp An Sơn, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0171/GCN-BVTV-PB	05/07/2027	9.000	0274 2210 205
174	Công ty TNHH nông nghiệp Ý Mỹ Group	0310560298	Lô D08, Đường số 2, CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0383/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	3.500	2862508898
175	Công ty cổ phần phân bón miền Nam	0300430500	Chi nhánh Công ty cổ phần phân bón miền Nam - Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành, Khu công nghiệp Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	0286/GCN-BVTV-PB	11/05/2027	8.000	028 3832 5889 - 028 2829 3931
176	Công ty cổ phần phân bón miền Nam	0300430500	Chi nhánh Công ty cổ phần phân bón miền Nam - Nhà máy phân bón Cửu Long, Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, thành phố Vĩnh	0284/GCN-BVTV-PB	09/08/2027	20.000	028 3832 5889

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Long, tỉnh Vĩnh Long				
177	Công ty cổ phần phân bón miền Nam	0300430500	Chi nhánh Công ty cổ phần phân bón miền Nam - Nhà máy phân bón Hiệp Phước, Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	0285/GCN-BVTV-PB	24/07/2027	24.250	028 3832 5889
178	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nông nghiệp TKT	0311878051	Lô B226B, Đường số 7, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0405/GCN-BVTV-PB	10/04/2027	2.500	0989 635 512
179	Công ty cổ phần Hợp Trí Summit	0303015573	Đường số 4, lô A8C, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	0580/GCN-BVTV-PB	29/08/2027	300	0283 873 4116
180	Công ty TNHH Ca Ca	0310065913	Lô H1, Đường số 4, Khu công nghiệp Hải Sơn (GD3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0413/GCN-BVTV-PB	09/04/2030	240	028 6678 0637
181	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch	0303206306	Tổ 5, Ấp 2, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú,	0443/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	1.900	028 3636 3262

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	vụ Thiên Minh V.N		tỉnh Đồng Nai				
182	Công ty cổ phần phân bón và dịch vụ tổng hợp Bình Định	4100405487	Quốc lộ 1A, thôn Diêm Tiêu, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	0339/GCN-BVTV-PB	28/12/2026	11.900	
183	Công ty TNHH Vidan	0305113216	Lô C5b, Đường số 3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	0469/GCN-BVTV-PB	24/05/2027	490	028 3781 8202
184	Công ty TNHH phân bón hữu cơ quốc tế GOLDTECH	0106194323	Lô 41C2 khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội	0327/GCN-BVTV-PB	1/6/2026	600	024 8589 8992
185	Công ty TNHH Quốc tế Khánh Sinh	0100776325	thôn Trán Voi, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	0499/GCN-BVTV-PB	06/07/2027	2.000	024 3839 0176
186	Công ty cổ phần Phân bón Na Uy	0312048251	Kho D6, Lô D, KCN Tân Kim, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0468/GCN-BVTV-PB	24/05/2027	4.500	0949 846 068/ 0937 686 268
187	Công ty cổ phần Phân bón Na Uy	0312048251	Lô A2, KCN Tân Kim mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0189/GCN-BVTV-PB	9/4/2030	3.800	0949 846 068/ 0937 686 268
188	Công ty TNHH Nông	0310623519	Lô C07, Đường số 2,	0668/GCN-	14/09/2027	2.000	0979 730 951

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Gia Hưng		cụm công nghiệp Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	BVTV-PB			
189	Công ty cổ phần Thiên Nông Thanh Hóa	2800175789	Lô B4, Khu công nghiệp Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0259/GCN-BVTV-PB	04/08/2027	1.950	0237 3942 558
190	Công ty cổ phần nông nghiệp KIVA	0312786847	Lô B220A, đường C, Khu công nghiệp Thái Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0523/GCN-BVTV-PB	01/08/2027	1.250	912573169
191	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quế Lâm Tam Phước	3603287855	Hẻm 1676, QL51, tổ 12, khu phố Long Khánh 3, phường Tam Phước, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	0160/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	80.000	02513 511 028
192	Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Nga	1400458477	Số 710, Đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0075/GCN-BVTV-PB	22/03/2027	200	02773 870 660
193	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh phân bón Bình Điền II	0313482834	Lô G.03, đường số 1, khu công nghiệp Long Hậu, Ấp 3, xã Long	0253/GCN-BVTV-PB	16/5/2027	19.000	02838222522/ 0938674637

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An				
194	Công ty TNHH nông lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Xuyên	2500414147	đội Xuân Quang, thị trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	0802/GCN-BVTV-PB	14/6/2028	4.080	
195	Công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ Thu Loan	1500213921	Số 699, Tổ 34, khóm Đông Thuận, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	0043/GCN-BVTV-PB	23/03/2027	400	0270 3890 263
196	Công ty TNHH thương mại Tuấn Tú	0800375826	Thị Tứ Đồng Gia, xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	0579/GCN-BVTV-PB	28/08/2027	4.300	0912 295 188
197	Công ty cổ phần phân bón Bình Điền	0302975517	Nhà máy phân bón Bình Điền - Long An, khu công nghiệp Long Định - Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An	0228//GCN-BVTV-PB	8/4/2026	40.000	028 3756 1191
198	Công ty TNHH Thủy Kim Sinh	0306136368	Lô A08, KCN Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0042/GCN-BVTV-PB	27/07/2027	3.300	028 6275 2960
199	Công ty TNHH Con Cò Vàng	0305995751	Lô 5, Đường số 1, KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện	0082/GCN-BVTV-PB	08/09/2027	8.000	903615229

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Long Thành, tỉnh Đồng Nai				
200	Công ty TNHH một thành viên Quế Lâm Long An	1101423620	Ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	0083/GCN-BVTV-PB	29/08/2027	9.500	02723 911568
201	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quế Lâm Miền Trung	3301123882	Cụm Công nghiệp Tứ Hạ, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	0086/GCN-BVTV-PB	14/08/2027	10.000	02343 760 079
202	Công ty TNHH MTV Quế Lâm Phương Bắc	2500268552	TDP Đại Phúc 2, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	0088/GCN-BVTV-PB	27/03/2027	6.000	
203	Công ty cổ phần nông nghiệp quốc tế Vinastar	0311820044	Lô H, KCN Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0417/GCN-BVTV-PB	18/04/2027	280	0969 237 239
204	Công ty cổ phần nông nghiệp quốc tế Vinastar	0311820044	Lô B120D, đường A, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0866/GCN-BVTV-PB	05/11/2029	200	0969 237 239
205	Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Đức Thuận	0304394412	330/74E, ấp 1, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh	0717/GCN-BVTV-PB	18/09/2027	5.750	028 37282555

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
206	Công ty TNHH Thanh Hùng	430035117	cụm công nghiệp Quán Lát, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	0535/GCN-BVTV-PB	10/08/2027	4.500	0255 3675 789
207	Công ty TNHH sinh học Phương Nam	1100821033	LD8, đường số 2, KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0369/GCN-BVTV-PB	13/03/2027	500	02723751910/ 02723751912
208	Trung tâm công nghệ sinh học Thành phố Hồ Chí Minh	0304026514	2374 Quốc lộ 1, KP2, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	0582/GCN-BVTV-PB	30/08/2027	60	0283 715 3792
209	Công ty TNHH Tân Hồng Lam	0302954877	Thửa đất số 3100 - 3134, ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	0486/GCN-BVTV-PB	12/06/2027	5.000	962163150
210	Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng	0200867992-002	Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân - khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng	0724/GCN-BVTV-PB	19/09/2027	16.000	0968 108 888
211	Công ty cổ phần Bia Thanh Long	0900188114	Thôn Thụy Lâm, xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	0478/GCN-BVTV-PB	06/06/2027	50	03213 964 536

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
212	Chi nhánh Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị - Nhà máy tinh bột sắn Hướng Hoá	3200042556-019	Km 3, xã Thuận, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị	0338/GCN-BVTV-PB	28/12/2026	3.000	0233 376 4163
213	Công ty TNHH thương mại sản xuất phân bón Phú An	0304766526	Ấp 5, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0005/GCN-BVTV-PB	5/6/2027	950	0976 606 777
214	Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	3603158553	tổ 16, đường Bàu Sen - Xuân Lập, Khu phố Núi Đỏ, phường Bàu Sen, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	0445/GCN-BVTV-PB	11/05/2027	20.000	02513 783 890
215	Công ty cổ phần phân bón hữu cơ truyền thống Long Tân Đồng Nai	3602715346	Ấp 6 - 7, đường Bùng Binh, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0320/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	8.250	0251 3826 175
216	Công ty AJINOMOTO Việt Nam	3600244645	Khu Công Nghiệp Biên Hòa I, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0311/GCN-BVTV-PB	15/11/2028	8.740	025 1383 1289
217	Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech	2200645182	Lô Q1, đường N1, Khu CN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	0532/GCN-BVTV-PB	07/08/2027	29.000	02993 616 838
218	Công ty CP Bông Tây Nguyên	6000455939	thửa đất số CN1-5, thuộc Lô CN1, khu	0518/GCN-BVTV-PB	28/07/2027	9.000	0982 244 311

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			công nghiệp Tâm Thắng, xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông				
219	Công ty TNHH thương mại-dịch vụ sản xuất Huy Bảo	3501228868	Ấp Sông Xoài 1, xã Sông Xoài, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0674/GCN-BVTV-PB	14/09/2027	4.000	2543603338
220	Công ty TNHH sản xuất thương mại Đại Nam	3500395425	Nhà máy sản xuất phân bón Ong Biển, Ấp 4, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0568/GCN-BVTV-PB	25/08/2027	20.000	02543 948 455
221	Công ty TNHH một thành viên An Điền	3600392354	Khu công nghiệp Thạnh Phú, Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0446/GCN-BVTV-PB	11/05/2027	9.600	02513 971 768
222	Công ty cổ phần thế giới thông minh	0304975135	Ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	0439/GCN-BVTV-PB	09/05/2027	72	028 2253 2827 - 0918 059 533
223	Công ty TNHH sản xuất - xây dựng - thương mại Phước Thắng	3900832246	Tổ 2, ấp Trà Sim, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	0470/GCN-BVTV-PB	29/05/2027	10.000	0903 926 404
224	Công ty cổ phần công nghệ sinh học Thiên	4400347317	thôn Bàn Nham Nam, phường Hoà Xuân	0511/GCN-BVTV-PB	21/07/2027	10.000	0257 3531 747 - 0886 995 151

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Ân		Tây, thị xã Đông Hoà, tỉnh Phú Yên				
225	Công ty TNHH một thành viên Việt Nga	6000778094	Lô B32, khu công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0423/GCN- BVTV-PB	19/04/2027	8.600	0262 3792 929
226	Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh phân bón Vinacafe	6001007369	Lô D9-10, D13, Cụm công nghiệp Ea Đar, xã Ea Đar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	0517/GCN- BVTV-PB	27/07/2027	10.000	026 23622 210 - 026 23611 088
227	Công ty cổ phần sinh học Thuận Thành	5500324280	thôn Tân Phú, xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	0697/GCN- BVTV-PB	15/09/2027	900	0965 601 601
228	Công ty cổ phần COVAC	1101733541	: ấp Tân Bình, xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0641/GCN- BVTV-PB	11/09/2027	9.000	0903 909 255
229	Công ty cổ phần mía đường La Ngà	3600454635	tổ 1, ấp Phú Quý 2, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	0649/GCN- BVTV-PB	12/09/2027	5.000	02513 853 055
230	Công ty cổ phần vệ sinh môi trường đô thị Hà Nội	0101291228	Cụm công nghiệp Phú Thành II, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	0256/GCN- TTBVTV-PB	15/4/2030	10.000	
231	Công ty TNHH dinh dưỡng nông nghiệp Sao Xanh	6000242095	Km 8, Quốc lộ 14, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0386/GCN- BVTV-PB	27/03/2027	2.000	02623 863 425

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
232	Công ty TNHH phân bón Thành Tâm	0311606643	Nhà máy sản xuất phân bón Thành Tâm của Chi nhánh Công ty TNHH phân bón Thành Tâm, thửa đất số 232, 233, 425, tờ bản đồ số 23, ấp Dòng Sỏi, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0274/GCN- BVTV-PB	6/10/2025	10.000	0856 868 668
233	Công ty cổ phần 1954	0105117598	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0026/GCN- BVTV-PB	19/12/2027	1.300	024 3996 2860
234	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Greenfield	3400301977	Lô 1/15 khu công nghiệp Phan Thiết, Giai đoạn 1, tỉnh Bình Thuận	0493/GCN- BVTV-PB	13/06/2027	10.000	02523 838 868
235	Công ty cổ phần phân bón hữu cơ Miền Trung	2802173762	Xứ Đồng Sở, cánh đồng tây B16, thôn Xuân Yên, xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	0740/GCN- BVTV-PB	19/10/2027	900	0237 3500 413
236	Nhà máy vi sinh - Chi nhánh Tổng Công ty 15	5900189438- 002	Thôn Đức Tân, xã Ia Sao, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	0349/GCN- BVTV-PB	17/1/2027	11.000	0269 386 7744
237	Công ty TNHH phân bón Hồng Lam	6000752515	Thôn 12, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma	0459/GCN- BVTV-PB	18/5/2027	10.000	0967 967 779

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Thuột, Tỉnh Đắk Lắk				
238	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng - thương mại và sản xuất Nam Thành Ninh Thuận	4500225633	Thôn Kiên Kiên, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận	0520/GCN-BVTV-PB	31/07/2027	8.000	0259 3625 227
239	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Viễn Khang	3600487285	Tổ 18, ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0004/GCN-BVTV-PB	12/09/2027	7.500	0251 3684 172
240	Công ty Cổ phần mía đường Sông Con	2900324917	Xóm 1, xã Kỳ Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	0003/GCN-BVTV-PB	19/10/2027	5.000	02383 882 214
241	Công ty cổ phần sản xuất khai thác khoáng sản Đại Nam	6000866865	Cụm công nghiệp Krông Buk 1, xã Pong Đrang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	0006/GCN-BVTV-PB	27/10/2027	990	0943 530 990 - 026 2387 4800
242	Công ty TNHH thương mại sản xuất và xuất nhập khẩu Duy Anh	0305453660	Buôn Ja Wâm, xã Ea Kiết, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	0013/GCN-BVTV-PB	13/11/2027	4.700	0912 205 609
243	Công ty cổ phần phân bón Phúc Thịnh	2802420771	Thôn Cò Mót, xã Phúc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	0020/GCN-BVTV-PB	21/11/2027	9.900	02373 567 666 - 0966 200 475
244	Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ phân bón hữu cơ Hùng Tân	3603176263	4036 ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	0021/GCN-BVTV-PB	20/12/2026	9.999	0251 3714 041
245	Công ty TNHH một	3700145694	số 39, tổ 8, khu phố 1B,	0882/GCN-	11/10/2029	60.000	0274 3543 527

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	thành viên liên hợp khoa học - công nghệ - môi trường Biwase		phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương	BVTV-PB			
246	Cơ sở phân hữu cơ Cá Sao Mai	49E8003425	Ấp 4, xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	0023/GCN-BVTV-PB	13/11/2027	1.500	0916 170 367 - 0913 947 526
247	Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương	0100101611	thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	0791/GCN-BVTV-PB	14/5/2028	200	024 3533 1702
248	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Huy Hoàng	3400848953	Thôn Liêm Thái, xã Hồng Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	0028/GCN-BVTV-PB	12/03/2027	9.500	0252 3610 799
249	Công ty TNHH thương mại sản xuất Trí Nông L.A	1101695857	thửa đất số 304, tờ bản đồ số 42, ấp Bảy Mét, xã Kiên Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	0394/GCN-BVTV-PB	26/2/2028	700	0272 656 779
250	Công ty cổ phần Phân bón Sài Gòn Me Kong	0313042449	Thửa đất số 2677, tờ bản đồ số 4, khu công nghiệp Hưng Phú 1 (Cụm A), phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	0030/GCN-BVTV-PB	30/1/2028	7.850	02923 762 556
251	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật	2300995504	Khu Sơn, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0034/GCN-BVTV-PB	26/2/2028	5.400	022 2650 7799

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
252	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Phú Nông Kiên Giang	1701893949	Ngã 03 Tám Ngàn, tổ 4, ấp Thuận Tiến, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	0036/GCN-BVTV-PB	12/3/2028	8.800	0297 3919 191
253	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Smart Bio Việt Nam	6001703535	làng Tok Roh, xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	0793/GCN-BVTV-PB	21/5/2028	1.000	0982 242 212
254	Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh NM3 tại Bình Phước	3600224423-110	ấp Cần Dục, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	0795/GCN-BVTV-PB	21/5/2028	12.000	0816 979 192
255	Công ty CP sinh học Thế Kỷ	0305451208	ấp K57, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước	0046/GCN-BVTV-PB	29/3/2028	60.000	028 6250 1793
256	Công ty TNHH Vietnam Agroresources	3900444772	ấp Thanh Xuân, xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	0794/GCN-BVTV-PB	21/5/2028	18.000	0276 6555 222
257	Công ty TNHH MTV phân hữu cơ Ân Thịnh Điền	6300233285	Ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	0050/GCN-BVTV-PB	13/1/2027	38.100	02933 962 989
258	Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Sakura	0314952063	đường số 1, Cụm CN Quốc Quang Long An, Ấp 5, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0796/GCN-BVTV-PB	4/6/2028	500	0888 944 944

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
259	Công ty cổ phần xử lý chất thải Miền Đông	5700676339	xã Quảng Nghĩa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	0798/GCN-BVTV-PB	4/6/2028	24.000	0203 3840 916
260	Công ty TNHH sản xuất thương mại và đầu tư An Hưng	2500557579	Lô CN11, Cụm Công nghiệp Đồng Sốc, xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.	0233/GCN-BVTV-PB	26/4/2028	13.000	
261	Công ty TNHH sản xuất thương mại vận tải Nam Phương	0312466043	số 388, tổ 06, ấp Ba Núi, xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	0810/GCN-BVTV-PB	10/9/2028	3.300	0983 277 272
262	Công ty cổ phần phân bón và chuyên giao công nghệ Hòa Bình	5400480712	Khu công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	0818/GCN-BVTV-PB	25/9/2028	8.800	
263	Công ty TNHH phân bón Hưng Điền Cửu Long	1102011210	đường số 5, cụm công nghiệp Liên Hưng, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0803/GCN-BVTV-PB	16/7/2028	500	0949 803 633
264	Công ty cổ phần XNK phân bón Việt Hàn	1101813331	Lô H, khu công nghiệp Đức Hòa III – Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0092/GCN-BVTV-PB	16/7/2028	9.500	0272 627 2288
265	Công ty TNHH sản	0317326346	4/3, Lô B205-B206,	0918/GCN-	26/04/2030	280	0332 381 238

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	xuất - thương mại phân bón ERIC		đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	TTBVTV-PB			
266	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Tân Thành Nam Agriculture	0312661397	Lô HT12, khu công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	0094/GCN- BVTV-PB	06/06/2027	20.000	028 3620 3563 - 0983 803 777
267	Công ty TNHH một thành viên giải pháp nông nghiệp Tiên Tiến - Long An	1101725974	Lô ME9 -1b, đường số 6, khu công nghiệp Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0920/GCN- BVTV-PB	5/5/2030	20	02723 777 716
268	Công ty cổ phần Agrilas	1101715983	Lô F12 và Lô F13, đường số 5, khu công nghiệp Đức Hoà III - Hong Đạt, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0835/GCN- BVTV-PB	14/12/2028	400	0941 008 116
269	Công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ nông nghiệp Nhật Quang	0304915263	ấp Thành Hóa 1 (thửa đất số 511, tờ bản đồ số 16), xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre	0104/GCN- BVTV-PB	8/10/2028	330	0917 462 610
270	Công ty TNHH	0313149022	Lô B227A, Đường số	0107/GCN-	19/10/2028	500	0775 454 678

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	VBOOK Hoa Kỳ		7, KCN Thái Hòa - Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	BVTV-PB			
271	Công ty cổ phần đầu tư Tiến Đông	2600968808	cụm công nghiệp Hoàng Xá, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	0108/GCN-BVTV-PB	23/10/2028	15.000	0913 372 194
272	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Agrigold Crop	1801710980	ấp Thới Bình B, xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ	0840/GCN-BVTV-PB	2/1/2029	200	0943 269438
273	Công ty cổ phần phân bón Đan Mạch	0311929852	Kho D2, tổng kho Sacombank, ĐS1, KCN Tân Kim, thị trấn Cần Giuộc, tỉnh Long An	0804/GCN-BVTV-PB	17/7/2028	200	0272 373 2267
274	Công ty cổ phần T&T 159	0105905750	Khu đầu tư trang trại lõi và thực hiện phát triển vùng liên kết sản xuất bò giống cao sản, khu Khu Bụt, xóm Ngheo, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	0304/GCN-BVTV-PB	27/12/2025	75.000	
275	Công ty TNHH một thành viên sản xuất và	2400769227	tổ dân phố Giáp Ngụột, phường Đinh Kế,	0846/GCN-BVTV-PB	17/3/2029	700	0948 883 383

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	thương mại PIV		thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang				
276	Công ty cổ phần nông nghiệp Nam Sài Gòn	0312854247	Lô C12, đường số 16, KTTCN Lê Minh Xuân, Ấp 1, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0851/GCN- BVTV-PB	4/6/2029	100	0989 988 769
277	Công ty TNHH thương mại Trang Trại Việt	0306002036	Tổ 10, ấp Gia Hòa, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	0119/GCN- BVTV-PB	22/08/2027	9.900	028 5409 2703 - 0907 195 697
278	Công ty cổ phần phân bón ISAREL	0313660607	Lô B234, Đường số 8, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0894/GCN- BVTV-PB	26/11/2029	2.480	0903 188 117
279	Công ty TNHH một thành viên phân bón Tây Nguyên	6001388393	một phần lô B26, một phần lô B27 và lô B28, B29, B30, B31, khu công nghiệp Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0121/GCN- BVTV-PB	14/05/2027	9.000	0262 3773 399 - 0905 080 581
280	Công ty TNHH phân bón Minh Thắng	6001394527	Lô A05-06, khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh	0122/GCN- BVTV-PB	14/05/2027	4.620	0262 36 37 999

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Đắk Lắk				
281	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Song Ngư	0312984493	Lô HF 1-16, Đường số 10, Khu công nghiệp Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0471/GCN-BVTV-PB	29/05/2027	4.500	912792378
282	Công ty TNHH Mimosa Việt Nam	0311755500	Lô C4, Đường số 1, CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0848/GCN-BVTV-PB	19/3/2029	145	0937 302 768
283	Công ty TNHH phát triển khoa học quốc tế Trường Sinh	5900315097	Lô B1, B2, B3 KCN Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0861/GCN-BVTV-PB	3/6/2029	5.000	02693 865 295
284	Công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Thành Hưng	4101075746	Tổ 8, khu vực 7, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0131/GCN-BVTV-PB	26/07/2027	9.500	
285	Công ty TNHH MTV sản xuất và thương mại Nông Nghiệp Xanh	2800829907	Lô 11, cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong, xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	0858/GCN-BVTV-PB	12/5/2029	1.000	0986 098 868
286	Công ty cổ phần sản xuất phân bón Việt Thái	6000745282	cụm công nghiệp Krông Búk 1, xã Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk	0135/GCN-BVTV-PB	17/10/2027	8.000	0262 3561 888

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
287	Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm	2500579269	tổ dân phố Đại Phúc 2, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	0136/GCN-BVTV-PB	18/12/2028	60.000	
288	Công ty cổ phần nông nghiệp Good Hoa Kỳ	1101842692	Lô A101D, Đường số 1, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0137/GCN-BVTV-PB	20/11/2028	1.000	0913 663 339
289	Công ty TNHH phân bón dầu khí Việt Nam	1101832599	Lô F11 và F10-2, Đường số 5, KCN Đức Hòa III- Hồng Đát, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0138/GCN-BVTV-PB	19/3/2029	5.000	0272 377 4474
290	Công ty cổ phần bảo vệ thực vật ASATA Hoa Kỳ	1101759652	Lô A3, Đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0139/GCN-BVTV-PB	20/11/2028	1.500	0913 927 070
291	Công ty cổ phần công nghệ hữu cơ Thái An	4100568354	thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	0140/GCN-BVTV-PB	13/1/2029	2.000	
292	Công ty TNHH ĐTK Phú Thọ	2600941468	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0141/GCN-BVTV-PB	17/12/2028	4.500	0963 914 588

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
293	Công ty TNHH nông nghiệp hữu cơ Long An	1101848077	cụm công nghiệp Vinh Khang, ấp Xóm Than, xã Tân Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An	0860/GCN-BVTV-PB	27/5/2029	7.900	0913 807 124
294	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ	5300002	Ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0914/GCN-TTBVTV-PB	18/4/2030	5.000	2733951889
295	Công ty TNHH sinh học H.P.H	0302868963	Lô B201E, đường DH, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0886/GCN-BVTV-PB	29/10/2029	250	0913 074 151
296	Công ty TNHH sản xuất và thương mại An Gia Phú	0313155900	Nhà xưởng VFI 3/2, lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0849/GCN-BVTV-PB	20/3/2029	200	0972 584 40
297	Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Xuyên Á	0312707161	Nhà xưởng VFI 2-3, lô A108-A109 đường số 2, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0852/GCN-BVTV-PB	31/3/2029	145	0979 953 959
298	Công ty cổ phần thương mại & dịch vụ	0316022313	Lô B233, Đường số 8, KCN Thái Hòa, xã	0877/GCN-BVTV-PB	24/8/2029	3.600	0918 498 369

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Ufarm		Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
299	Công ty cổ phần thương mại Green Garden	0313821043	thửa đất số 761, 752, 797 thuộc tờ bản đồ E5, khu phố Tân Thắng, phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0158/GCN-BVTV-PB	31/3/2029	9.500	028 5411 6699
300	Công ty TNHH thương mại sản xuất Quang Nông	0302322821	Lô J12D, Đường số 10, khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0159/GCN-BVTV-PB	31/3/2029	50	028 3766 3485
301	Công ty cổ phần nông nghiệp Sao Vàng	1701551487	Số 4, Đường Minh Hưng, ấp Hòa Hưng, xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	0161/GCN-BVTV-PB	24/03/2029	2.000	0911 793 999
302	Công ty cổ phần phân bón Hi-tech Organic	3901213224	Tổ 1, ấp Long Chấn, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	0162/GCN-BVTV-PB	31/3/2029	4.000	02766 508 686
303	Công ty cổ phần cao su Phước Hòa	3700147532	Xưởng phân bón Phước Hòa; địa chỉ khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến	0163/GCN-BVTV-PB	12/5/2029	1.000	0274 3657 106 - 0988 339 663

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Cát, tỉnh Bình Dương				
304	Công ty TNHH giống cây trồng An Khang	1801744387	Số 1444, KV Hòa Thạnh A, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	0909/GCN-TTBVTV-PB	14/4/2030	190	0903 016 182
305	Công ty cổ phần hóa chất Galaxy	1501142864	Số 9, Quốc lộ 1A, tổ 2, ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	0910/GCN-TTBVTV-PB	14/4/2030	36	0270 3890 263
306	Công ty TNHH sản xuất thương mại HPL VN	1501145022	thửa đất số 420, tờ bản đồ số 12, tổ 28, ấp An Phong, xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	0911/GCN-TTBVTV-PB	15/4/2030	400	0869 618 648
307	Công ty TNHH Terra Chemical	1102083952	VFI 8-4, Lô B219A-B219B, Đường C, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0925/GCN-TTTV-PB	30/5/2030	300	0337 149 389
308	Công ty TNHH tập đoàn Trương Hoàng Đông THĐ	1402185634	thửa đất số 1498, tờ bản đồ số 1, ấp 2, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0922/GCN-TTTV-PB	20/5/2030	110	0908 971 862
309	Công ty cổ phần SAM	0304529596	Lô B226A, Đường số 7, khu công nghiệp	0172/GCN-BVTV-PB	19/5/2029	850	028 6266 0633

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
310	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Vua Vi Sinh	1500742481	Lộ Vòng Cung, KV8, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0923/GCN-TTTV- PB	30/5/2030	490	0292 6500 999
311	Công ty cổ phần thương mại Thành Đạt	1000333057	khu 3B, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	0883/GCN- BVTV-PB	14/10/2029	3.600	02273 647 355
312	Công ty TNHH MTV sinh học Phú Sĩ	1500987587	Số 1076, Tổ 1, Khóm 2, phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	0175/GCN- BVTV-PB	24/3/2029	510	0944 073 607
313	Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ phát triển nông nghiệp Đồng Tháp	1400294469	Số 539A, Tổ 20, ấp An Định, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0898/GCN- BVTV-PB	3/12/2029	400	02773 877 939
314	Công ty cổ phần bảo vệ thực vật An Hưng Phát	0301959022	Kho D3, Lô D, Đường số 1, khu CN Tân Kim, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0889/GCN- BVTV-PB	5/11/2029	250	028 3960 7914
315	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Đông Bắc Sài Gòn	0318479874	một phần nhà xưởng Lô B220A, đường C, khu công nghiệp Thái	0895/GCN- BVTV-PB	26/11/2029	195	937158163

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
316	Công ty cổ phần Tổng Công ty thương mại Quảng Trị	3200042556	khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	0924/GCN-TTTV- PB	30/5/2030	9.000	0903 549 567
317	Công ty cổ phần hợp tác đầu tư và phát triển nông nghiệp Việt Nam	0314259109	A105, Đường số 1, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0927/GCN-TTTV- PB	10/6/2030	145	0919 716 778
318	Công ty TNHH xuất nhập khẩu DKP Group	1102073697	Lô F, Đường số 2, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0928/GCN-TTTV- PB	10/6/2030	200	0966 847 849
319	Chi nhánh Công ty cổ phần bảo vệ thực vật Sài Gòn - Xí nghiệp bảo vệ thực vật Sài Gòn	0300632232- 031	Lô C1 và C3, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh	0183/GCN- BVTV-PB	15/4/2029	427	028 3873 3666
320	Công ty cổ phần phân bón EUR	0312746139	Lô B117, Đường số 5, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0929/GCN-TTTV- PB	23/6/2030	4.250	0789 428 685

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
321	Công ty TNHH thương mại sản xuất Phước Hưng Long An	1101876934	Lô H7-H8, Đường số 10, khu công nghiệp Thuận Đạo mở rộng, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	0188/GCN-BVTV-PB	13/5/2029	3.500	0937 808 798
322	Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Việt Tranh Đề	0303236692	Thửa đất số 210, Tờ bản đồ số 14, Lô B221, Đường số 7, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0931/GCN-TTTV-PB	23/6/2030	200	0913 801 819
323	Công ty cổ phần phát triển nông nghiệp Thành Thành Công	3901183393	tại tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	0884/GCN-BVTV-PB	22/10/2029	59.500	0918 513 844
324	Công ty cổ phần tập đoàn Hùng Nhơn	3800437933	ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	0196/GCN-BVTV-PB	19/6/2029	32.000	0866 666 246
325	Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Bảo Quang Minh	2600925096	Khu 8, xã Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	0863/GCN-BVTV-PB	28/6/2029	9.500	0934 443 838
326	Công ty TNHH Pesticide Nhật Bản	1101741630	Lô B207, Đường số 4, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0198/GCN-BVTV-PB	23/7/2029	300	0272 3819 969

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
327	Công ty TNHH Hoài Phan	1101837727	Lô H11B, Đường số 5, Khu công nghiệp Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0888/GCN-BVTV-PB	5/11/2029	300	869607159
328	Công ty TNHH giải pháp kỹ thuật HTM	0318517181	Số 4, Lô B203-B204, Đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0933/GCN-TTTV-PB	23/6/2030	300	0916 996 480
329	Công ty TNHH Research and Development	1102087467	VFI 4-4, Đường số 4, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0932/GCN-TTTV-PB	23/6/2030	200	0355 303 132
330	Công ty TNHH Sagiko	0311106520	Khu phố Lộc Vĩnh, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	0938/GCN-TTTV-PB	27/6/2030	120	0907 000 599
331	Công ty cổ phần kỹ thuật DO HA L E D U S A	0310458110	Lô B123A, Đường số 7, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0900/GCN-BVTV-PB	9/12/2029	200	987073555
332	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và sản xuất phân bón	6400320816	thôn 14, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông	0206/GCN-BVTV-PB	3/6/2029	10.000	0888 999 818

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Hùng Quang						
333	Công ty cổ phần sản xuất thương mại XNK BOSS FARM	2802532330	Thôn Phúc Minh, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	0885/GCN-BVTV-PB	28/10/2029	9.000	0237 8688 088
334	Công ty TNHH Liên doanh Saf - Việt	1100581060	cụm công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	0211/GCN-BVTV-PB	23/8/2029	70.000	027 2372 5555
335	Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ VINO	0312587457	Thửa đất 870, 871, 879, tờ bản đồ số 6, ấp 3, xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An	0904/GCN-BVTV-PB	17/12/2029	2.000	909123674
336	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông dược Vĩnh Thành	1402077420	Tỉnh lộ ĐT 849, ấp Nhơn Quới, xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	0213/GCN-BVTV-PB	22/7/2029	200	0916 299 639
337	Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất - thương mại và dịch vụ Nông Tiến	1200720173	ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	0214/GCN-BVTV-PB	21/5/2030	3.000	0984 710 780 - 02733 604 069
338	Công ty TNHH sản xuất phân bón CPF Potash	1101996325	Lô D5.3, Lô D6.3, Lô D6.2, Lô D6.1, khu công nghiệp Cầu Cảng Phước Đông, Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long	0937/GCN-TTTV-PB	26/6/2030	400	0938 353 829

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			An				
339	Công ty TNHH Con Diều Vàng	1201471586	khu phố 1, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0934/GCN-TTTV-PB	23/6/2030	250	0908 330 932
340	Công ty TNHH công nghệ sinh học Sài Gòn Xanh	0302519810	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn và nghĩa trang Đa Phước, Ấp 1, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	0221/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	50.000	028 3997 1869
341	Công ty cổ phần hóa sinh TMC	2802961361	Lô CN 02-04, Nam Khu A - KCN Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0936/GCN-TTTV-PB	24/6/2030	250	0914 781 970
342	Công ty TNHH Sản xuất Phân bón Phụng Hoàng	3700895746	Lô B7 - B8, đường D9, khu công nghiệp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0226/GCN-BVTV-PB	11/12/2027	30.000	0274 357 9209
343	Công ty cổ phần quốc tế Hải Dương	3601611182	Lô A4-1, Đường D9, khu công nghiệp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0230/GCN-BVTV-PB	5/8/2029	70.000	0274 3579 325
344	Công ty TNHH đầu tư GPI	0316061249	VFI 5-5B, Lô B203-B204, Đường số 4,	0876/GCN-BVTV-PB	24/8/2029	250	0947 645 377

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
345	Công ty cổ phần nông nghiệp hóa chất miền Nam	0313007469	Lô C1, thửa đất 167, KCN Đức Hòa 3- Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0890/GCN-BVTV-PB	11/11/2029	1.000	0906 114 216
346	Công ty TNHH xuất nhập khẩu nông nghiệp Hoàng Kim	0314699533	Lô B220A, đường C, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0891/GCN-BVTV-PB	11/11/2029	90	0934 668 241
347	Công ty TNHH Tâm Nông Phú	0314579638	Lô B220A, đường C, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0892/GCN-BVTV-PB	11/11/2029	190	0967 456 477
348	Công ty TNHH sản xuất-thương mại DNP Group	1102046686	Lô D08/3 đường số 2, CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0893/GCN-BVTV-PB	12/11/2029	230	0985 490 515
349	Công ty cổ phần BIOA - Chi nhánh Long An	0313447389-001	Lô G01, Đường số 1, cụm công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc,	0887/GCN-BVTV-PB	5/11/2029	145	946800009

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
350	Công ty cổ phần Hồng Minh Landlight	5000834759	thôn Tân Thành, xã Minh Thanh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	0243/GCN- BVTV-PB	23/10/2029	5.000	0912 999 925
351	Công ty TNHH phân bón Việt F A R M	1101654515	Lô F5-F6, Đường số 3, khu công nghiệp Tân Kim, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0244/GCN- BVTV-PB	4/4/2028	3.000	02723 640 445
352	Công ty cổ phần bảo vệ thực vật Phú Nông	1101787466	Lô MG1, Đường số 1, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0245/GCN- BVTV-PB	22/10/2029	100	0272 3758 795
353	Công ty TNHH phân bón GOLHAR	1101833190	B219D, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0246/GCN- BVTV-PB	9/12/2029	49.500	0286 675 9988
354	Công ty TNHH AGROLOGIS	1102058924	Lô B220D, thửa 266, đường D-1, khu công nghiệp Đức Hòa III - Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0901/GCN- BVTV-PB	9/12/2029	145	911311100

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
355	Công ty cổ phần HLC Hà Nội	0107739393	Lô C3-5 Cụm công nghiệp Dương Liễu, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	0905/GCN-BVTV-PB	23/12/2029	300	024 6292 9383
356	Công ty trách nhiệm hữu hạn dinh dưỡng cây trồng Eakmat	6000762584	Thôn 10, xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0001/GCN-BVTV-PB	12/6/2027	900	0262 3832 299
357	Công ty TNHH Lưu Phan	0304031225	Tổ 1, ấp 2, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0049/GCN-BVTV-PB	19/04/2027	9.000	028 3855 4278 - 0971 476 299
358	Công ty cổ phần hữu hạn Vedan Việt Nam	4,71033E+11	Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	0052/GCN-BVTV-PB	30/5/2030	489.300	0251 3825 111
359	Công ty cổ phần phân vi sinh Quảng Trị	3200294306	Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	0058/GCN-BVTV-PB	11/5/2028	18.500	0233 363 739
360	Công ty cổ phần dịch vụ hợp tác thương mại phân bón Thiên Kỷ Phát	0306012436	Ấp Bù Dinh, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	0067/GCN-BVTV-PB	21/08/2027	2.500	028 3554 2088
361	Công ty TNHH Daesang Việt Nam	32861311160	phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh	0073/GCN-BVTV-PB	18/09/2027	50.000	02103 813 724

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Phú Thọ				
362	Công ty khoáng sản và thương mại Tiên Hiếu	4800159854	thôn Toòng Chu 2, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	0147/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	6.000	0206 3751 22
363	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Bảo Ngọc	2901224217	xóm Đồng Đuóm, xã Nghĩa Yên, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	0194/GCN-BVTV-PB	18/11/2026	9.500	971909666
364	Công ty TNHH thiết kế Garden Home	0312292005	Nhà xưởng số 1, Lô B217, Đường số 5, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0222//GCN-BVTV-PB	04/05/2027	250	916.849.396
365	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sitto Việt Nam	3600492687	Đường số 3A, KCN Biên Hòa II, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0229/GCN-BVTV-PB	15/7/2029	13.160	02513 834 903
366	Công ty TNHH phân bón nhà nông	3502210020	thôn Tân Châu, xã Bàu Chinh, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0873/GCN-BVTV-PB	5/8/2029	2.000	0868 351 919
367	Công ty TNHH may thêu - thương mại Lan Anh	0301452232	Số 273 Phụng Khắc Khoan, khóm Sa Nhiên, phường Tân	0906/GCN-BVTV-PB	30/12/2029	110	028 3932 5508

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Quy Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp				
368	Công ty TNHH nông nghiệp Công Nghệ Xanh	311518228	Lô F04, Đường số 2, khu công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0262/GCN- BVTV-PB	26/4/2030	240	0988 327 220
369	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Tam Điệp	2700840061	Thôn 1, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	0566/GCN- BVTV-PB	25/08/2027	9.500	0968 340 169
370	Công ty TNHH HK OTACHI	1101940019	Lô B230, Đường số 8, KCN Thái Hòa, ấp Tân Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0265/GCN- BVTV-PB	5/5/2030	300	0918 141 955
371	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai	5300133049	Xí nghiệp xử lý rác thải thành phố Lào Cai, thôn Toòng Mòn, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0266/GCN- BVTV-PB	14/7/2025	5.000	02143 841 038
372	Công ty cổ phần cánh cồng vàng Việt Nam	0106973506	Tổ 28, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	0268/GCN- BVTV-PB	5/8/2025	2.000	0914 608 258
373	Công ty TNHH sản	1402124688	Ấp 2, xã Mỹ Long,	0272/GCN-	18/1/2027	270	0912 492 022

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	xuất kinh doanh phân bón sinh học Tín Nông TNTECH		huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	BVTV-PB			
374	Công ty TNHH Mai Thiên Thanh	1402090728	Khu xử lý chất thải rắn Đập Đá, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0275/GCN- BVTV-PB	06/10/2025	9.900	02773838384 - 0933598818
375	Công ty cổ phần nông nghiệp HDT	4601561818	Xóm Phúc Tiến, xã Phúc Triu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0277/GCN- BVTV-PB	13/10/2025	5.000	0344 999 668
376	Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ XNK Gia Huy Vi Na	0311079637	Lô F105, Đường số 1, cụm công nghiệp Đức Thuận 3, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0280/GCN- BVTV-PB	13/10/2025	400	915560590
377	Công ty TNHH thương mại dịch vụ UBB	0313931906	Đường số 05, khu công nghiệp Sông mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0288/GCN- BVTV-PB	5/11/2025	1.400	028 3923 1199
378	Công ty TNHH một thành viên sinh học Minh Hoàng - Gia Lai	5900961968	Lô C1-02, khu công nghiệp Trà Đa mở rộng, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0290/GCN- BVTV-PB	9/11/2025	15.000	02693 718 193 - 0946 804 802
379	Công ty TNHH	3603628897	Đường Trương Văn	0291/GCN-	17/11/2025	4.100	0911 947 786

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	FATECH Toàn Thắng		Diễn, khu vực Thời Nguơn B, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	BVTV-PB			
380	Công ty cổ phần Global Farm	1101834395	Lô F17-F18, đường số 3, khu công nghiệp Đức Hòa 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0293/GCN-BVTV-PB	23/11/2025	600	938988368
381	Công ty TNHH sản xuất thương mại One Bio	1801654119	1984A, Quốc Lộ 91, khu vực Thới Hưng, phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	0294/GCN-BVTV-PB	24/11/2025	2.000	907911076
382	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Việt Nam	0900219073	thôn Ngọc Đà, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	0301/GCN-BVTV-PB	6/12/2025	9.000	0221 3791 668
383	Công ty cổ phần phân bón vật tư CATON	1801629384	Số 104, ấp Khánh Hội B, xã Phú An, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	0307/GCN-BVTV-PB	7/2/2026	100	967859966
384	Công ty TNHH xuất nhập khẩu phân bón NAVAS	0313740845	Chi nhánh Công ty TNHH xuất nhập khẩu phân bón NAVAS - Lô B220A, đường C, khu công nghiệp Thái Hòa,	0312/GCN-BVTV-PB	25/3/2026	250	934959485

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
385	Công ty TNHH Việt Gia Minh	0313271551	Lô H, Đường số 2, cụm công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0314/GCN-BVTV-PB	8/4/2026	300	914309140
386	Công ty cổ phần Nicotex	0101406944	Chi nhánh xí nghiệp Nicotex Tiền Hải - KCN Tiền Hải, xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	0318/GCN-BVTV-PB	14/4/2026	6.000	024 38754438
387	Công ty cổ phần Nicotex	0101406944	Buôn Kô Dung, xã Ea Nuôi, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	0557/GCN-BVTV-PB	22/08/2027	4.000	024 3875 4438
388	Công ty cổ phần phân bón AAA	1700545434	518A/18, ấp Bình Hòa, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	0321/GCN-BVTV-PB	4/5/2026	28.000	0297.2460.777/ 0964.905.439
389	Trung tâm kỹ thuật và công nghệ sinh học Tiền Giang	5300001	Quốc lộ 50, ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0324/GCN-BVTV-PB	05/05/2026	1.900	027 3387 2175
390	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Thế Giới	5801383201	Số 39 đường Hoài Thanh, phường Lộc	0325/GCN-BVTV-PB	09/05/2026	7.200	0907 610 708

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Xanh		Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng				
391	Công ty TNHH Hùng Phú Gia Lai	5900782327	Lô B6, Đường số 3A, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	0326/GCN-BVTV-PB	18/05/2026	880	0967 500 600
392	Công ty TNHH thương mại - chế biến nông lâm sản - Đường Vạn Phát	5900744787	Buôn Djerêr, xã Chư Ngọc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	0328/GCN-BVTV-PB	14/6/2026	10.000	0977 020 577
393	Công ty cổ phần Hoàng Anh Agritech	2500640114	khu đồi Mé, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh phúc	0331/GCN-BVTV-PB	21/10/2026	4.500	
394	Công ty cổ phần thương mại và chế biến nông lâm sản Quyết Thắng	4600434895	xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	0332/GCN-BVTV-PB	5/12/2026	2.000	0983 753 356
395	Công ty TNHH phân bón Organics	3603495439	Kho WFR 06, đường D2, cụm công nghiệp Hồ Nai 3, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0333/GCN-BVTV-PB	20/12/2026	3.800	0251 625 44 55
396	Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.Việt Nam - Chi nhánh NM 5 tại Đồng Nai	3600224423-019	khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0334/GCN-BVTV-PB	21/12/2026	6.000	0251 392 1502-09
397	Công ty cổ phần Green Can	6001569872	Lô 25-27, đường CN10, KCN Hoà Phú,	0337/GCN-BVTV-PB	26/12/2026	7.700	0877 199 991

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk				
398	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Môi trường Xanh HD	0801329614	cụm công nghiệp Ngọc Sơn, thôn Ngọc Lặc, xã Ngọc Sơn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0340/GCN- BVTV-PB	29/12/2026	8.600	0915 610 365
399	Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Huy Hoàng	0108300344	xóm Quyết Tâm, xã Trung Lương, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên	0341/GCN- BVTV-PB	29/12/2026	3.500	024 3990 2968
400	Công ty TNHH Thành Chào	1402109633	ấp Thị, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp	0342/GCN- BVTV-PB	3/1/2027	3.000	0913 938 349
401	Công ty TNHH thương mại xây dựng xử lý môi trường Thanh Long	3701631376	Thôn 8, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận	0343/GCN- BVTV-PB	3/1/2027	900	983442552
402	Công ty TNHH môi trường - nông nghiệp An Phát	4300780238	thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	0345/GCN- BVTV-PB	10/1/2027	7.000	868344968
403	Công ty cổ phần GATS - BMT	6001698927	Lô C02 và một phần C04, khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma	0356/GCN- BVTV-PB	18/1/2027	7.900	918748999

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Thuột, tỉnh Đắk Lắk				
404	Công ty cổ phần phân bón Kon Tum	6101228890	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0348/GCN- BVTV-PB	17/1/2027	6.000	0260 855 390
405	Công ty TNHH Hóa Nông Việt Thái	0313481742	Xưởng sản xuất - Ấp 3, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ	0352/GCN- BVTV-PB	13/1/2027	800	0939 765 567
406	Công ty TNHH phân bón Hoa Lan	1101963714	Lô F04, Đường số 2, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0354/GCN- BVTV-PB	23/6/2030	250	0939 150 387
407	Công ty cổ phần năng lượng sạch Sơn La	5500556570	Tiểu khu 7, đội Sông Lô, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	0357/GCN- BVTV-PB	24/1/2027	2.400	869946969
408	Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu phân bón Hàn Quốc	1201514938	Số 379, Quốc lộ 50, ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	0358/GCN- BVTV-PB	25/1/2027	3.550	0916 333 437 - 0828 638 638
409	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Xuân Hà Ninh Bình	2700629693	đường Thung Lang, Tổ 6, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	0359/GCN- BVTV-PB	13/2/2027	7.900	914484234
410	Công ty cổ phần xuất	4401050686	thửa đất số 1330, tờ	0362/GCN-	27/02/2027	1.000	972757625

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	nhập khẩu nông nghiệp Qatar		bản đồ số 12, cụm công nghiệp Hòa An, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	BVTV-PB			
411	Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Vạn Long Nông Nghiệp	4500598191	Đường D2, cụm công nghiệp Hồ Nai 3, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0363/GCN-BVTV-PB	27/02/2027	4.000	979045445
412	Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi	3603064030	ấp Cây Xoài, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	0364/GCN-BVTV-PB	01/03/2027	5.000	913101012
413	Công ty TNHH Agri Real Chemical	1101958908	Lô B201B, Đường DH, KCN Thái Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0365/GCN-BVTV-PB	01/03/2027	1.200	0966 023 727
414	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Đặng Gia Trang	0312255821	554 - 556 Nguyễn Thị Rành, ấp Bầu Tròn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	0367/GCN-BVTV-PB	11/03/2027	7.000	028 6259 4914
415	Công ty TNHH sản xuất thương mại quốc tế Việt Pháp	0312365278	Xưởng số 2, Lô B220, đường C, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0380/GCN-BVTV-PB	24/03/2027	800	985914828
416	Công ty TNHH sản	0310479544	thửa đất số 401, tờ bản	0387/GCN-	27/03/2027	30	0979 997 073

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	xuất thương mại dịch vụ CFSG		đồ địa chính số 50, ấp Trà Sim, xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	BVTV-PB			
417	Công ty cổ phần sản xuất thương mại Hoàng Hà	4400980294	Ô số 5, Lô B13, cụm công nghiệp Ba Bản mở rộng, xã Sơn Hà, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	0398/GCN-BVTV-PB	04/04/2027	2.500	0888 434 399
418	Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ Thiên Ngọc	6300306134	Lô A1, đường số 6, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	0402/GCN-BVTV-PB	21/05/2028	1.500	02933 561 789; 0979 777 433
419	Công ty TNHH SX-TM Minh Tâm Agri	1602146061	Tổ 12, ấp Hưng Hòa, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	0408/GCN-BVTV-PB	11/04/2027	1.500	094.66.14.624
420	Công ty TNHH Hóa nông Nano Groups	2200750821	Số 263 ấp Nguyễn Công Minh A, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	0433/GCN-BVTV-PB	07/05/2027	40	939532679
421	Công ty CP Hóa nông Lâm Ngọc	1402073659	Ấp 5, xã Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	0434/GCN-BVTV-PB	07/05/2027	900	0934 843 029

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
422	Công ty TNHH phân bón Niềm Tin Việt	1402140577	Ấp 3, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	0435/GCN-BVTV-PB	08/05/2027	200	0939 099 309
423	Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Omri Group	0317020164	Xưởng số 3, Lô B220A, Đường C, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Thái Hòa, tỉnh Long An	0462/GCN-BVTV-PB	19/05/2027	200	346935678
424	Hợp tác xã sản xuất thương mại nông nghiệp sạch Hoàng Đạo	26V8010392	thôn Nhân Đạo, xã Hoàng Đạo, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0522/GCN-BVTV-PB	01/08/2027	2.000	0379 986 518
425	Công ty cổ phần công nghệ phân bón xanh	2901719241	làng Hợp Thành, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	0516/GCN-BVTV-PB	17/12/2029	48.600	02383 901 568
426	Công ty TNHH sản xuất thương mại phân bón Bình Điền Cửu Long	0310845127	Xưởng số 12, Đường số 1, cụm công nghiệp Quốc Quang Long An, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0421/GCN-BVTV-PB	18/04/2027	225	0222 777 2277
427	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Âu Châu	0104919510	thôn Tông Phố, xã Thanh Quang, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	0422/GCN-BVTV-PB	19/04/2027	23.500	0918 328 636
428	Công ty TNHH Bio	1501106922	Số 168, Tổ 14, ấp Phú	0426/GCN-	26/04/2027	600	899070568

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	Delta		Hữu Tây, xã Phú Thịnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	BVTV-PB			
429	Công ty TNHH BVTV Phúc Điền	1801516359	9B-124 Võ Văn Kiệt, khu vực Bình Trung, phường Long Hoà, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	0574/GCN-BVTV-PB	28/08/2027	250	913135524
430	Công ty TNHH Nông Uy	0312750488	Lô D08/1A, Đường số 2, CCN Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0584/GCN-BVTV-PB	30/08/2027	350	08 6682 6837
431	Công ty TNHH Ohara	0311884908	Lô C08/6 đường số 2, cụm công nghiệp Đức Thuận, KCN Đức Hoà 3, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0585/GCN-BVTV-PB	30/08/2027	200	0966.60.06.77
432	Công ty TNHH SXTM công nghệ T&B	1101994416	VFI 4-2, Lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0590/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	200	0907 169 777
433	Công ty TNHH DD Việt Nam	1102006940	Lô B220A, Đường C, KCN Thái Hòa, xã	0591/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	200	0813 002 333

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An				
434	Công ty TNHH TM DV & SX phân bón Savina	1101997512	Lô B220A Đường C, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0592/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	200	0946 464 545
435	Công ty TNHH khoa học kỹ thuật nông nghiệp phân vi sinh Weizan	1402144797	Một phần Lô B224, đường số 7, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0593/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	200	0948 792 532
436	Công ty TNHH hữu cơ sinh học môi trường bền vững	1101978502	VFI 3-5B, Lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0594/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	800	0901 253 054
437	Công ty trách nhiệm hữu hạn Green Field VN	0313042865	Lô C08/7, đường số 2, cụm công nghiệp Đức Thuận, KCN Đức Hoà 3, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0596/GCN-BVTV-PB	04/09/2027	200	0963 086 341
438	Công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương	0304864499	Lô F9, đường số 6, KCN Hòa Bình, xã Nhị	0597/GCN-BVTV-PB	17/12/2028	1.150	028 3744 4638

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	mại Trung Hiệp Lợi		Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An				
439	Công ty TNHH phân bón hữu cơ truyền thống	0316951298	Lô F, KCN Đức Hòa III - Việt Hóa, Đường 823B, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0639/GCN-BVTV-PB	11/09/2027	1.400	0917 371 793
440	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu DVL Hoa Kỳ	1101983358	VFI 3-1, Lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, Long An	0618/GCN-BVTV-PB	06/09/2027	200	0946 550 306
441	Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Việt Nông	1601222249	ấp Phú Hòa 1, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	0685/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	1.500	0918 755 091
442	Công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ	1800457478	51 Trương Văn Diễm, phường Phước Thới, quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ	0619/GCN-BVTV-PB	01/07/2029	150	0292 3861 770
443	Công ty TNHH Unifert	2200768716	268 Đường Cao Thắng, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	0734/GCN-BVTV-PB	26/09/2027	4.000	0907 830 405
444	Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải 2-9	0314019763	Đường D2, cụm công nghiệp Hồ Nai 3, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	0696/GCN-BVTV-PB	15/09/2027	8.000	0901 021 118

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
445	Công ty TNHH Nhật Hoàng	3400832456	xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0602/GCN-BVTV-PB	05/09/2027	21.000	0252 3555 999
446	Trung tâm phát triển công nghệ cao	A-809	Tổ dân phố 9, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	0556/GCN-BVTV-PB	19/08/2027	200	024 3791 6281
447	Công ty TNHH nông nghiệp Công Nghệ Cao	3002075768	Lô CN12, cụm khu công nghiệp Phù Việt, xã Việt Tiến, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	0540/GCN-BVTV-PB	14/08/2027	2.500	02393 681 333
448	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thành Thành Công Gia Lai	5900421955	Lô B4-B5-B6-B7-B8, cụm công nghiệp Ia Sao, xã Ia Sao, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	0514/GCN-BVTV-PB	24/07/2027	9.000	026 9365 7345
449	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Smart Bio Việt Nam	6001703535	làng Queng Mép, xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	0513/GCN-BVTV-PB	24/07/2027	9.500	0982 242 212
450	Công ty cổ phần công nghệ Nano BSB	0312434267	khu vực Long Châu, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	0447/GCN-BVTV-PB	11/05/2027	1.000	0932 266 609
451	Công ty cổ phần phân bón SAP	0800859697	Khu Cao Đường, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải	0844/GCN-BVTV-PB	17/04/2029	2.600	0982 132 366

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Dương				
452	Công ty TNHH MTV hữu cơ vi sinh Polyfa	6101266134	xã Ia Chim, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0737/GCN-BVTV-PB	13/10/2027	8.000	0868 444 789
453	Công ty cổ phần phân bón Tây Nguyên	6001266250	Lô CN01, cụm công nghiệp Cư Kuin, xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	0739/GCN-BVTV-PB	17/10/2027	5.900	0919 638 838
454	Công ty TNHH một thành viên nhà máy sản xuất cùn Tùng Lâm	3601004734	Đường 3, tổ 3, ấp 4, xã Xuân Hoà, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	0729/GCN-BVTV-PB	19/09/2027	9.800	02513 750 888
455	Công ty TNHH Novar	2400589665	tổ dân phố Giáp Ngụột, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0845/GCN-BVTV-PB	17/3/2029	700	0868 051 122 - 0972 311 999
456	Công ty TNHH một thành viên Quế Lâm Tây Nguyên	5900389490	Quốc lộ 14, thôn Phú Tân, xã Ia Bàng, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	0743/GCN-BVTV-PB	1/11/2027	19.200	0949 040 599
457	Công ty cổ phần vật tư tổng hợp và phân bón hóa sinh	0303951558	Lô B104, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0745/GCN-BVTV-PB	6/11/2027	200	0946 688 862
458	Công ty TNHH Thủy Sính	5801378515	một phần Lô B224 đường số 7, KCN Thái	0746/GCN-BVTV-PB	6/11/2027	200	0966 956 212

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An				
459	Công ty TNHH TMDV XNK Phong Vũ	1101828828	Lô F02, đường số 1, CCN Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà	0747/GCN- BVTV-PB	7/11/2027	800	0939 984 286
460	Công ty TNHH TMDV XNK Phong Vũ	1101828828	Lô LL3', đường số 3, KCN Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0917/GCN- TTBVTV-PB	25/4/2030	250	0939 984 286
461	Công ty TNHH American	0317309125	Lô F, đường số 5, Cụm công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0748/GCN- BVTV-PB	7/11/2027	900	0867 647 778
462	Công ty cổ phần Gia Linh Agritech	0315711744	Nhà xưởng số VFI 3-4, Lô B205 - B206, Đường số 4, KCN Thái Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0750/GCN- BVTV-PB	8/11/2027	200	0986 297 118
463	Công ty TNHH hoá nông Nasaki	0313917210	Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 6, đường số 1, Cụm công nghiệp Quốc Quang Long An,	0752/GCN- BVTV-PB	9/11/2027	2.000	0911 555 585

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Ấp 5, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An				
464	Công ty TNHH một thành viên nông nghiệp Thiên Lộc Thắng	1801501715	Tổ 4, ấp Đông Hòa 1, xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	0753/GCN- BVTV-PB	12/11/2027	370	0939798 149
465	Công ty cổ phần phân bón quốc tế Âu Việt	6300230407	Quốc lộ 1A, ấp Long An B, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	0754/GCN- BVTV-PB	12/11/2027	1.500	0293 6265 999
466	Công ty cổ phần sinh học xanh	6300317873	Số 179, quốc lộ 61, ấp Tầm Vu 1, xã Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	0755/GCN- BVTV-PB	12/11/2027	1.500	0966 345 678
467	Công ty trách nhiệm hữu hạn nông lâm nghiệp Kiên Giang	1700519353	ấp Sơn Thành, xã Nam Thái Sơn, Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	0756/GCN- BVTV-PB	13/11/2027	10.000	0913 820 127
468	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hóa Sinh VN	0317294133	VFI 5-5A, lô B203- B204, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0854/GCN- BVTV-PB	8/4/2029	160	0973 424 207
469	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sundat Crop Science	3600744895	Lô số 101/8, Đường số 1, KCN Amata, phường Long Bình,	0761/GCN- BVTV-PB	11/12/2027	200	025 1393 6456 – 0388 791 779

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai				
470	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Trí Việt 2000	0312349131	Lô F, đường số 2, Cụm công nghiệp Đức Thuận, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0762/GCN- BVTV-PB	3/12/2027	600	028 6280 7622/ 0913 101 278
471	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Yimex	0316961440	Lô B220A, đường C, khu công nghiệp Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0763/GCN- BVTV-PB	3/12/2027	170	0977 694 224
472	Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Hà Thành	0104291176	Khu góc gạo Thượng Đoạn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	0759/GCN- BVTV-PB	21/11/2027	8.500	024 3833 6914 - 0983 572 689
473	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ ô tô Trường Xuân	1501046173	321Z ấp An Hương 1, xã Mỹ An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long	0760/GCN- BVTV-PB	22/10/2028	36.850	0901 009 299
474	Công ty cổ phần phân bón Sông Mã	2801151491	Khu C, Khu công nghiệp Lễ Môn, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0767/GCN- BVTV-PB	25/12/2027	3.000	02372 828 959
475	Công ty cổ phần phân	2801963165	Km31, quốc lộ 47, xã	0768/GCN-	25/12/2027	2.000	02373 507 405

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	bón Nhật Long Thanh Hóa		Xuân Sơn (nay là xã Xuân Sinh), huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	BVTV-PB			
476	Công ty TNHH Công nghệ sinh học nông nghiệp xanh TV	2100683025	ấp Bình La, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	0869/GCN-BVTV-PB	22/7/2029	1.600	0983 017 049
477	Công ty cổ phần Trương Việt	0313161005	tổ 3, khu phố 3, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0769/GCN-BVTV-PB	11/1/2028	1.000	028 6252 3636
478	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ Tam Nông Phát	0313129530	Lô H1, đường số 4, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0771/GCN-BVTV-PB	29/1/2028	100	0908 733 414
479	Công ty TNHH Big Crop	0313740443	Nhà xưởng số VFI 3-3, Lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0783/GCN-BVTV-PB	27/3/2028	300	0907 588 466
480	Công ty cổ phần thuốc bảo vệ thực vật Việt Trung	0101564588	Lô G05-1, khu công nghiệp Đức Hòa I - Hạnh Phúc, ấp 5, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0780/GCN-BVTV-PB	22/32/2028	205	02723 779 688

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
481	Công ty TNHH công nghệ Pucka	0315694104	VFI 4-6, Lô B205-B206, đường số 4, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0784/GCN-BVTV-PB	27/3/2028	200	0969 874 889 /0989 81 26 25
482	Công ty TNHH đầu tư thương mại King Nutri	3702957395	Lô A113, Đường số 2, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0787/GCN-BVTV-PB	6/5/2030	200	0982 452 952
483	Công ty trách nhiệm hữu hạn Triệu Phú Nông	0313404240	Lô B211, đường số 5, KCN Thái Hoà, ấp Tân Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0785/GCN-BVTV-PB	28/3/2028	200	0911 303 939
484	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất phân bón Toàn Cầu	1402182288	ấp Hòa Dân, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0782/GCN-BVTV-PB	27/3/2028	8.000	0388 523 879
485	Tổng công ty cổ phần Hàm Rồng Thanh Hóa	2800228455	đường đôi C4, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0773/GCN-BVTV-PB	20/2/2028	300	0237 3960 303
486	Công ty TNHH thương mại dịch vụ DTG Tiền Giang	1201547919	ấp Mỹ Thuận, xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang	0733/GCN-BVTV-PB	25/12/2027	6.255	0987 631 763
487	Công ty TNHH công	0305231932	Lô A4, Đường số 5,	0774/GCN-	26/2/2028	2.000	0903 362 416

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	nghe sinh học Đại Nghĩa		khu công nghiệp Hải Sơn (GD 3+4), xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	BVTV-PB			
488	Công ty TNHH Quang Minh TNA	0601247717	Xóm 9, xã Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	0855/GCN- BVTV-PB	10/04/2029	200	0918 428 566
489	Công ty cổ phần phân bón Sông Lam Tây Bắc	5500634028	bản Xa Cấn, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	0775/GCN- BVTV-PB	1/3/2028	42.000	0212 6287 979
490	Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất phân bón Thịnh Phát tại tỉnh Sơn La	0106590912- 001	Khu công nghiệp Mai Sơn, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	0776/GCN- BVTV-PB	1/3/2028	5.000	0243 610 099 - 0974 925 922
491	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh	28.06.000.001	Số 81, Đường Ngô Quyền, xã Thạch Hạ, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0777/GCN- BVTV-PB	3/3/2028	1.500	0976985670
492	Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Thanh Vân	2500672927	Khu chăn nuôi tập trung Đồi Mé, thôn Phú Ninh, xã Thanh Vân, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	0779/GCN- BVTV-PB	13/3/2028	16.000	
493	Công ty TNHH phân bón hữu cơ Lào Cai	5300331996	Lô F19, đường Phùng Hưng, khu công nghiệp Đông Phố Mới, xã Vạn Hòa, thành phố	0856/GCN- BVTV-PB	10/4/2029	15.000	02143 836 671

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Lào Cai, tỉnh Lào Cai				
494	Công ty TNHH xuất nhập khẩu phân bón Tân Bình	0315741594	Xưởng 12, cụm công nghiệp Quốc Quang Long An, Ấp 5, xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0812/GCN-BVTV-PB	11/9/2028	500	0979 798 707
495	Công ty TNHH phân bón Phú Nông	0310631358	đường A, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0814/GCN-BVTV-PB	12/9/2028	3.000	0272 375 3837/0939 106 868
496	Công ty cổ phần hữu cơ Ninh Bình	010860904	KCN Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	0862/GCN-BVTV-PB	4/6/2029	150.000	0974 434 397 - 0229 3756 555
497	Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nhật Tiến Phát	3603962669	tổ 4, ấp 2, đường Phú Xuân - Núi Tượng, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	0872/GCN-BVTV-PB	5/8/2029	1.700	0978 177 411
498	Công ty cổ phần phân bón sinh học Thiên Hòa	0317807561	Lô B121B, đường B, KCN Thái Hoà, ấp Tân Hoà, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0820/GCN-BVTV-PB	17/10/2028	1.500	0937 242 606
499	Công ty TNHH sản xuất Bio Agrosa Fertilizers	1102030213	Lô LG8 - LG9, đường số 2, khu công nghiệp Xuyên Á, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	0821/GCN-BVTV-PB	18/10/2028	800	0901 212 526

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
500	Công ty cổ phần nông nghiệp 247	1101988282	Lô D07/2 đường số 2, cụm công nghiệp Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0829/GCN-BVTV-PB	13/11/2028	700	0888 174 999
501	Công ty TNHH sản xuất phân bón hữu cơ sinh học Nông Thịnh Phát	1402182908	Tổ 16, Ấp 2, xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0809/GCN-BVTV-PB	10/9/2028	495	0907 353 917
502	Công ty cổ phần phân bón Vạn Xuân	2601066538	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	0817/GCN-BVTV-PB	25/9/2028	3.600	0338 389 389
503	Công ty TNHH XNK quốc tế Việt Đức	1402193339	Ấp An Hòa, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp	0880/GCN-BVTV-PB	11/10/2029	30	0919 539 428
504	Công ty TNHH Nông trại Nano	0313593083	Kho D1, Tổng kho Sacombank, Đường số 1, khu công nghiệp Tân Kim, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An	0353/GCN-BVTV-PB	16/1/2027	7.000	0949 802 536
505	Công ty TNHH Việt Đức	1700568287	Lô 2.9A7, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	0806/GCN-BVTV-PB	20/7/2028	100	0945 687 979
506	Chi nhánh Công ty TNHH sản xuất	0312279244-001	Ấp Quý Phước, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy,	0788/GCN-BVTV-PB	25/4/2028	2.000	0918 920 366

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	thương mại xuất nhập khẩu quốc tế Danama - nhà xưởng sản xuất phối trộn phân bón		tỉnh Tiền Giang				
507	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Vững Phát	0105927666	Số 20 cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	0789/GCN-BVTV-PB	3/5/2028	200	0986 596 555 - 024 8589 4293
508	Chi nhánh Minh Bảo An Hoà Bình - Công ty TNHH thương mại Minh Bảo An	0105579867-001	thôn Phú Bình, xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hoà Bình	0807/GCN-BVTV-PB	20/7/2028	800	
509	Công ty cổ phần môi trường Huy Hoàng Eco	0901067553	khu Hoà Đông, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	0816/GCN-BVTV-PB	24/9/2028	19.800	024 7108 6366 - 0988 734 894
510	Công ty cổ phần Nano Industry Đăng Quang	0108138363	khu liên kết khu công nghiệp Quế Võ (thuộc khu công nghiệp Quế Võ mở rộng), xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	0874/GCN-BVTV-PB	13/8/2029	8.000	024 3556 7899
511	Công ty TNHH Nông Trí	1601420071	số 89, Quốc lộ 91, ấp Mỹ Trung, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	0879/GCN-BVTV-PB	11/10/2029	160	0296 3935 893
512	Công ty TNHH SX	3901335078	thửa đất số 91, tờ bản	0881/GCN-	11/10/2029	28.800	0816 822 468

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
	TM phân bón môi trường xanh Huê Phương VN		đồ số 31, ấp Đường Long, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	BVTV-PB			
513	Công ty cổ phần Thành Công - Lai Châu	6200105804	tổ dân phố 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	0826/GCN-BVTV-PB	12/11/2028	6.800	0977 070 999
514	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại dịch vụ Phú Nông	2801988315	thôn Thành Vinh, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0828/GCN-BVTV-PB	13/11/2028	500	02378 786 789
515	Công ty TNHH Dawu Trường Thịnh	3901265864	Tổ 7, ấp 1, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	0834/GCN-BVTV-PB	14/12/2028	7.000	0918 444 222
516	Công ty TNHH phân bón Sông Hậu	0313463824	thôn Đá Ba Cái, xã Phước Thành, huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận	0837/GCN-BVTV-PB	17/12/2028	3.000	0823 696 868
517	Công ty cổ phần hóa sinh Centa Agro	1102002079	Lô B225, đường số 7, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An	0864/GCN-BVTV-PB	2/7/2029	400	0938 224 182
518	Công ty TNHH Terragrow	1102049768	Một phần nhà xưởng Lô B234, đường số 8, KCN Thái Hòa, xã Đức Lập Hạ, huyện	0865/GCN-BVTV-PB	15/7/2029	200	0337 149 389

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ sản xuất	Số Giấy chứng nhận	Ngày hết hạn	Công suất (tấn/năm)	Điện thoại liên hệ
			Đức Hoà, tỉnh Long An				
519	Công ty cổ phần hóa chất Savina	1501143233	Số 9, Quốc lộ 1A, tổ 2, ấp Phú Mỹ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	0939/GCN-TTTV-PB	30/6/2030	300	0888 387 799

